Năm Nhâm-Thân Số 30 — Ngày 27 Février 1932

AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH



NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Xứ Bắc-Kỳ đối với cuộc đức Bảo-Đại hồi-loan.
Chế-độ đại gia-đình phương Đông.
Khóa ông Gandhi lại đã vậy, nhưng cuộc tương-lai sẽ ra sao ?

Bàn góp về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán.
Lư-Thoa tự-thuật.
Trinh-thám nước Đức.

Thiên « lực, mạnh » của Liệt-tử.
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán (Băng-hồ Hán-vận 4 bài).— Dịch thơ Pháp (1 bài).— Ca Hành-vân.- Văn Tập-Kiều.

Thời-sự. — Pháp-luật dẫn-giải.
Khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ. . .
(Đoản-thiên tiểu-thuyết).
Tại sao các nhà văn-sĩ sinh viết văn ?
Đấu có lạ lùng ! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2,60
Một số	0,10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI – HANOI

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-nam Tạp-chí

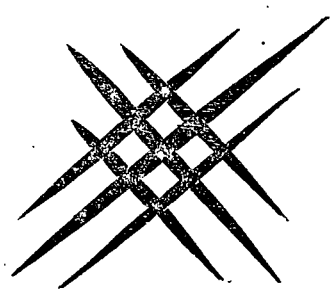
XỨ BẮC-KỲ ĐỐI VỚI CUỘC ĐỨC BẢO-ĐẠI HỒI-LOAN



Ngô-thúc-Địch

Nước mong mở mặt, kêu gọi nhân-tài. Muốn nước có nhiều nhân-tài, dân nước phải có nhiều người du-học ! Trung, Nam, Bắc, anh em, chị em Đồng-bào, ai sẵn bầu máu nóng, ai hằng lo đến tiền-đồ nước nhà, xin hết lòng tán-thành hội Pháp-học Bảo-trợ. Ngày 10 Mars 1932 tới đây, tại hội quán hội Trí-tri phố hàng Quạt Hanoi, hội Pháp-học Bảo-trợ sẽ họp đại-hội-đồng.

Bản-chí cầu-nguyện được thấy lòng sốt sắng của quốc-dân.



Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TRINH-THÁM NƯỚC ĐỨC

Mấy lời nói đầu

Ở nước ta bây giờ mà nói đến «*Truyện trinh-thám*» thì dễ thường có khi các ngài cho là nhàm. Mà nhàm thật! Trừ ra ít bài đăng ở các báo gần đây, nói về những công-việc hệ-trong của vài sở Trinh-thám lớn trên thế-giới, còn thì biết cơ-man nào là tiểu-thuyết trinh-thám dịch ở sách tây ra, đại loại nó cũng chỉ loanh-quanh trong những việc giết người để lấy của, hoặc vì thù-hằn chẳng hạn, chớ cũng chưa từng thấy nói đến chuyện to-tát lạ tai bao giờ. Ấy tiểu-thuyết trinh-thám của ta trong khoảng vài mươi năm nay trở lại, in bán đã thấy nhiều mà chung-qui vẫn ở vào một cái phạm-vi nhỏ-hẹp là như thế.

Câu chuyện «*trinh-thám*» tôi sắp đem hiến các ngài đây nó là một thứ trinh-thám riêng, trinh-thám «đặc-biệt». Nhà trinh-thám đó tức là ông *Armgard-Karl Graves*, đậu hai bằng bác-sĩ: triết-học và y-học, biết bốn năm thứ tiếng, mà tiếng nào nói, viết cũng thông-thạo như tiếng nào. Graves tài học quán-xuyến đến thế, mà tuổi mới có hai mươi hai. Vì ông ấy không muốn cho ai biết mình ở xứ sở nào, nên khi viết sách cũng tỏ ra ý định giấu kín. Như vậy thì chúng ta cũng không cần biết; duy chỉ biết rằng tình-cờ ông có dịp được chữa thuốc cho một viên quan có tài thao-lược trong bộ Tham-mưu nước Đức. Viên quan ấy thấy ông ta trẻ tuổi, lại thông-minh lanh-lẹ và có tài to như vậy thì đem lòng quý mến, phần thì cảm cái ân đã chữa cho mình khỏi mấy vết thương chí-mệnh, nên mới định tiến ông ta vào làm trinh-thám ngoại-giao cho nước Đức. Đáng lẽ *Graves* cũng không nhận lời, song lại nảy ra cái hi-vọng rằng vào làm như thế, có cơ giúp ích được cho nhà mình, nước mình. Bởi thế mới ưng theo.

Đó là tạm vài câu nói trước; từ kỳ sau trở đi, tôi sẽ thuật theo lời A. K. Graves tự viết ra, một chút cũng không thêm bớt.

Có một điều cần phải để các bạn độc-giả rõ: những việc sắp kể sau đây, toàn là việc xảy ra trước hồi Âu-chiến, tức là từ khi vua *Uy-Liêm đệ-nhị* hãy còn chỉnh-chện trên ngôi cửu-ngũ của nước Đức. Tuy là ăn cơm mới nói chuyện cũ thật, nhưng lục chuyện cũ ra mà nói, đó cũng bởi đôi ba lẽ: việc tuy đã qua nhưng hãy còn nhiều mối liên-lạc mật-thiết với cái đời bây giờ; vua Uy-Liêm tuy ngày nay đã mất hết quyền-lực, chỉ là một vị phế-đế, nhưng hãy còn sống sờ-sờ đó. Cho rằng nay mai chết đi ra nữa, hai chữ tên ấy, kèm thêm hai chữ «đệ-nhị», cũng còn có nhiều dịp khiến cho người đời phải nhắc đến hoài. Cách đây vào quãng ba-mươi năm, cái thế-lực nước Đức ở trên hoàn-cầu quyết nhiên không phải là nhỏ; được như thế là cũng bởi vua Uy-Liêm, mà ông vua đó lại chính là người gây ra cuộc đại-chiến vừa rồi, là một cuộc chiến-tranh có ảnh-hưởng rất lớn đến khắp thế-giới, và đã làm hao người tốn-của những thế nào, nói không thể xiết. Đem mấy chữ «tàn-khốc», «thảm hại» v. v. ra mà tả những cảnh thiên-ám địa-hôn, thần-sầu quỷ-khốc của cái nạn chiến-tranh đó, thì những chữ kia không thấm-thía vào đâu cả, tự-hồ như nó chẳng còn mùi-mẽ gì nữa vậy. Lại một lẽ nữa nó khiến cho tôi vui lòng thuật lại chuyện Graves, là suốt cả mọi nhân-viên trong ban trinh-thám ngoại-giao nước Đức về thời bấy giờ, duy chỉ có Graves là sắc-sảo linh-lợi hơn cả. Điều này chẳng phải do người viết chuyện kia để lại, có ý tự khoe mình. Thật ra là như thế. Vì Graves có tài đặc-sắc hơn hết thảy các viên-chức trong ban, nên mới được vua Uy-liêm dùng biệt-nhỡn mà đãi, rồi giao cho công-việc rất lớn-lao. Sau, chỉ vì nhà vua thấy Graves xuất-sắc quá, lại biết rõ ràng những việc bí-mật có quan hệ tới vận nước, nên mới trở-mặt dùng ngay một mẹo phản-gián nho-nhỏ, khiến cho Graves bị bắt ở nước Anh và bị cầm tù tại đó ít lâu. Người Anh lại dụ Graves đầu-thân vào ban trinh-thám nước ấy. Graves có nhận lời hay không, sau vì cớ gì lại sang Mỹ, và tự thử chi hậu, còn làm được những thủ-đoạn gì? Để rồi dần-dà, tôi sẽ thuật lại tỏ-tường, các ngài khắc rõ.

Về việc người Anh bắt được Graves này, các báo-chí bên Âu-Châu từ hồi tháng bảy năm 1911 trở đi, có nhiều bài bàn ra tán vào, dư-luận dai-dẳng mãi.

Câu chuyện tôi sắp thuật sau đây, từ mấy năm nay, đã nhiều lần tôi muốn cho lên nhật báo. Hiềm một nỗi tờ báo tuy rằng thừa sức mạnh mà thân-phận thật có mỏng-manh. Người nước ta, chưa thấy mấy ai giữ cẩn tờ báo quốc-ngữ để xem đi xem lại bao giờ; dầu ở trong có chứa bài vở hay tới đường nào, thường khi cũng chỉ nay lành mai nát. Thấy An-nam tạp-chí lại ra đời, tôi vui lòng đăng lên để chúng ta cùng xem chơi. Về phần ích-lợi thì tôi chẳng dám chắc rằng đã có ích-lợi gì cho lắm, chỉ quyết được một điều là mỗi kỳ tạp-chí ra, các bạn Độc-giả lại xem «*Truyện trinh-thám*» của A. K. Graves mất mấy phút đồng hồ, nhưng tưởng chút thì-giờ đó cũng không đến nỗi nào uổng-phí vậy.

(Còn nữa)

Đặng-văn-Hinh

Vĩnh-Hưng-Tường
là hiệu
bán thuốc bắc lớn nhất
từ Vinh vào đến Huế.

CHẾ-ĐỘ ĐẠI GIA-ĐÌNH PHƯƠNG ĐÔNG

Trải qua một hội máu sông, xương núi, bên kia giới Tây, văn-minh Đông-phương hình như có giá-trị với thế-giới.

«Phải mau mau đem văn-minh Đông-phương để cứu Tây-phương», một nhời diễu đời của người phương Tây như thế. Nhân câu trào phúng này ta lần lượt nghiên-cứu trong các món văn-minh Đông-Á xem các chỗ hay dở tốt xấu có thật đủ sức sinh-tồn với văn-minh khoa-học không? Và có thể giúp cho dân-tộc phương Đông có thể vĩnh-viễn ở thời-đại tàu bay trái phá này không?

Trong các món văn-minh phương Đông: chế-độ gia-đình là một món đáng chú-ý trước nhất. Gia-đình là gốc xã-hội, thì cách tổ-chức gia-đình tức là cỗi rễ tất cả phong-tục, tập-quán, văn-hóa chính-trị của xã-hội phương Đông.

Chữ phương Đông đây tôi muốn nói riêng nước Việt-nam ta và nước Trung-hoa, bởi chế-độ gia-đình hai nước đó, trái hẳn với phương Tây và có thể đứng ra một mặt.

Ôi! phiền-phức làm sao, chế-độ gia-đình phương Đông! Nay hãy tóm lại một câu: hầu hết theo kiểu đại gia-đình, chú-trọng tinh-thần. còn cách tổ-chức giống chính-thể Quân-chủ, thiên về chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác. Tại sao lại nói thế? Bởi có cái khí-vị chuyên-chế mà chuyên trọng ở sự ăn chung ở lộn.

Nếu một nhà đã gọi là có luân-lý thì phải có một người gia-trưởng. Không cứ tuổi-tác, tài đức, quan-tước, phẩm-hàm, cứ ai hơn vai hơn hết thì người ấy là gia-trưởng.

Quyền của người gia-trưởng đối với trong nhà không khác quyền của vua đối với trong nước. Công ăn việc làm, lời khuyên tiếng dạy, đều do gia-trưởng mà ra, các con em phải cúi đầu nghe theo, trái lại thì bị tội bất-hiếu bất-mục. Vô luận nhà có nhiều người hay ít, đều ở chung một khu, công việc chia nhau gánh vác, ruộng vườn của cải coi như của công, lợi-lộc kiếm ra cả nhà cùng hưởng, không phân kẻ kiếm nhiều người kiếm ít, dù người không kiếm ra cũng thế, ăn tiêu may mặc đều như nhau, không ai hơn ai, mà cũng không ai có của riêng.

Đại-khái gia-đình phương Đông tổ-chức phần nhiều như thế, nếu có khác chẳng qua cũng đại-đồng tiểu-dị. Nhưng có một điều rất kỳ, là vô-luận chính-phủ nào, phải có quân-bị pháp-luật mấy có thể cai-trị được nhân dân, thế mà các gia-đình phương Đông tuy chẳng có thứ hình-phạt nào, hoặc người nhà phải theo gia-pháp mà cũng được êm-thắm, có trật tự. Vậy nhờ ở đâu mà được thế? Nhờ về chữ *tình*, như trên đã nói trọng về tinh-thần chính là chỗ dùng chữ tình (sentiment) đó.

Tình, một vật rất mạnh đi đến đâu cũng phải tan được phong-vũ vân-lôi, gia-đình là một nơi góp nhiều thịt xương máu mủ ở lộn với nhau cho nên chữ tình càng dễ đầm-thắm. Người trên bao dung kẻ dưới, kẻ dưới nhường nhịn người trên, công to việc nhỏ, san sẻ đồ ăn thức mặc chia cấp, sai lầm tội lỗi phân-xử đều lấy chữ tình làm mực-thước cả, cho nên giữ được trật-tự rất nghiêm, còn cái khó khăn cho sự trì-thủ của gia-đình cũng do mực thước ấy sau đây sẽ nói.

Chữ tình chia ra thành nhiều nết. Các đại gia-đình để làm khuôn-phép, người nhà cứ đó mà theo khác chi tín-đồ theo ý-chí của giáo-chủ, quân sĩ theo mệnh-lệnh của chủ-tướng. Nhân đây tôi dẫn chứng vài gia-đình trong lịch-sử Á-Đông đã dùng một nết riêng làm gia-pháp mà được kết quả mỹ-mãn:

Gia-đình Trương-công-Nghệ.— Đời vua Đường Cao-Tôn bên Tàu Trương-Công-Nghệ chin đời ở chung. Số nhân-xuất không biết bao nhiêu. Song cứ sử Tàu chép rằng: vua Đường qua chơi ban cho họ Trương một quả lê thử xem phân xử thế nào thì họ Trương đập nát quả lê, rồi bỏ vào hơn một thùng nước sôi bảo người nhà cùng uống cốt ý cả nhà ai nấy đều được hưởng ân-đức của Triều-đình. Thế cũng đủ biết số người khá đông. Gia-đình họ Trương trọng ở nết *nhẫn*. Một trăm chữ nhẫn dâng lên vua Đường để giả nhời câu hỏi: «sao đông người thế mà cũng ở chung với nhau được?»

Tư-mã Ôn-công bàn việc đó có nói: họ Trương dâng vua một trăm chữ nhẫn, có ý nói họ hàng không được hòa-thuận gốc tại tôn-trưởng ăn mặc không đều, ty-ấu lễ-tiết không đủ, người kia gay gắt người nọ mà ra cãi cọ tranh giành. Nếu ai cũng biết *nhẫn* thì trong nhà tự nhiên hòa thuận. Lời bàn đó có thật đúng với chân-tướng nhà họ Trương chăng?

Gia-đình Trần-Cảnh.— Tống-sử chép rằng: đời Tống-Thái-Tôn có nhà Trần-Cảnh đã trải nhiều đời không chia gia-sản, sau lại còn tậu thêm vườn ruộng, lập ra trường học

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

dạy-bảo con em. Cả nhà hơn 700 người không có con hầu đứa ở, bữa ăn cùng ngồi chung trong một nhà thật lớn, trẻ con ngồi riêng một chiếu. Đến đời Trần-Cảnh đã được 32 đời mà vẫn cùng ở chung với nhau, vẫn giữ nền nếp cũ. Người làm Tống-sử nói rằng: nhà Trần-Cảnh ở chung được với nhau như thế là bởi nết *công*. Xem như cách xử-trí trong bữa ăn, cũng đủ biết nhà ấy có đức *công bình*.

Gia-đình Trần-Soạn.— Bản-triều có nhà ông Trần-Soạn được ba anh em, ông là cả, thứ 2 ông Nhượng, thứ 3 ông Nhận. Cả ba ông đều hiển đạt, quan to chức trọng, thế mà không ai để riêng vốn, lại vẫn ở chung ăn chung với nhau. Gia-pháp nhà ấy cốt em phải sợ anh. Nếu em có lỗi, anh dăn bảo, dù quan sang mặc lòng, cũng phải cúi rạp xuống thềm mà nghe. Khoảng đời Tự-Đức, ông Nhượng làm Tổng-đốc Hanoi, ông Soạn lĩnh chức Án-sát Quảng-nam, gặp lễ khánh-điển, cha mẹ các quan được phong-tặng cố-lệ của Bản-triều — Triều-đình nghĩ ông Nhượng quan cao hơn ông Soạn, vua Tự-Đức phê cho ông Nhượng bốn chữ «*Bất quý danh Nhượng*», (rất xứng với cái tên là Nhượng!)

Như thế đủ biết gia-đình ông Soạn trọng ở nết *nhượng*.

Cứ ba gia-đình đã nói trên này, đều là gia-đình sang trọng cả, có thể làm tiêu-biểu cho chế-độ gia-đình phương Đông.

Nghĩ cũng quý thay, họp hàng trăm hàng chục con người cùng chung một giọt máu đào ở chung một sở, ăn chung một bàn, sung sướng hoạn nạn, vinh hiển đều có nhau, nếu lại được cha từ, con hiếu, cháu thảo dâu hiền, họ mạc anh em trên kính dưới yêu, trong ấm ngoài êm, thì vui vẻ tốt đẹp biết chừng nào! Hạnh-phúc ở đời tưởng không còn gì hơn nữa. Nhưng mà, xét cho kỹ thì cái cảnh gia-đình hoàn-toàn mỹ-mãn đó, đối với những người tư-cách phổ-thông, cũng như vườn Lẵng, non Bồng đối với những người trần-tục vậy.

Ai cũng biết vườn Lẵng non Bồng phong-cảnh vui đẹp thật, song nào những ai đã lên tới đó. Những cảnh gia-đình mỹ-mãn đã nói trên kia cũng vậy, mô-tả thì dễ, mà thực-tiễn thì khó. Bởi sao? Bởi tạo-thành một gia-đình mỹ-mãn không phải là việc dễ.

Cái chế-độ gia-đình phương Đông có tính-cách quân-chủ chuyên-chế, căn-cứ ở chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác, cho nên chính-thể quân-chủ và chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác thường có những nỗi khó khăn thế nào, thì chế-độ gia-đình cũng gặp những nỗi khó khăn thế ấy.

Chính-thể quân-chủ, tức là trong nước có một ông vua cầm-quyền cai-trị muôn dân, nhất-thiết việc gì, cũng do nơi vua ban-bố ra cả; nếu gặp anh-quân, dân nước được thái-bình thịnh-vượng; trái lại nếu gặp hôn-quân, thì quốc-dân phải điên-bái lưu-ly. Những gia-đình theo chế-độ gia-trưởng cũng vậy. Người gia-trưởng công-minh thao-lược, thì trong nhà được tốt đẹp yên vui, nếu đần độn ương gàn, không quản-trị nổi được các con em, thì trong gia-đình tránh sao khỏi trật-tự rối-loạn.

Chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác nghĩa là ai ai cũng làm hết bổn-phận, nhớn việc nhớn, nhỏ việc nhỏ không tranh-giành nhau, không ganh tỵ nhau, cốt làm sao cho nền-tảng chung được vững bền thịnh-vượng; nếu người thì lười biếng, người thì tham-lam, kẻ thích rong chơi, người mưu tư-lợi, không ai đồng lòng với ai, thì việc gì cũng hỏng mà gia-đình tất phải đến bước nguy khốn. Vậy thì những gia-đình thiên về chủ-nghĩa đồng-lao cộng-tác, ắt phải trông vào tất cả người nhà. Nếu mọi người đều siêng năng chăm chỉ, chịu thương chịu khó, lo làm lo ăn, lại yêu mến nhau, nhường nhịn nhau, giốc một lòng vun-vén cho cơ-nghiệp chung, thì sao không có cơ phát-đạt. Coi đó, đủ biết sự thịnh suy của đại gia-đình không những quan-hệ riêng ở một người gia-trưởng, mà tất cả người nhà, cũng đều có chịu một phần trách-nhiệm vậy.

Một người gia-trưởng thao-lược, không nhà nào chắc đời đời có được, cái đó bằng ở sự may rủi; mà cũng không nhà nào dám chắc tất cả người nhà mình đều đồng-tâm hiệp-lực, chịu thương chịu khó, có tài có nết hết cả. Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, thế thì trong nhà mong sao lúc nào cũng êm-đềm thịnh-vượng được. Vả lại, cái kiểu đại gia-đình chỉ lấy tình mà buộc người nhà phải tuân gia-pháp, cái đó thực rất cao-thượng phong-thể, song cũng là sự khó-khăn cho việc bảo-thủ gia-đình.

Chữ tình chỉ đủ khiến cho người ta vui lòng theo chứ không thể buộc người ta phải theo được. Vả, trong một nhà không phải chỉ có một hai người, nhiều người thì nhiều bụng, cho nên không chắc ai cũng như ai, mà mong lấy tình buộc mọi người phải giữ gia-pháp. Chẳng may có người ương ngạnh, không coi tình làm trọng, bỏ cả gia-pháp, thì đối-phó bằng cách nào? Một điều khó giải-quyết, mà cái ngòi gia-đình bại hoại..... sẽ nổi ở kẽ ngạch khe tường vậy. Cái hại ở chỗ đó. Còn một điều hại hơn nữa là theo kiểu đại gia-đình, con em lúc nào cũng phải nương tựa vào cha mẹ, ấy là nuôi cái tính ỷ-lại cho bọn thiếu-niên.

Đây tôi lại xin nói đến bên Tây. Ở bên Tây người nào đã thành vợ thành chồng, thì phải riêng một gia-đình, hành-động được tự-do, cha anh không can-thiệp, không bù-đỡ, kiểu đó gọi là tiểu gia-đình. Cái kiểu này có vẻ ích kỷ, không có cái phong-thể như kiểu đại gia-đình của phương Đông, song có điều hay hơn, là giúp cho các thiếu-niên bên Tây, phần đông có tính tự-lập, không như bên phương Đông mình, các thiếu-niên tập-nhiễm quen tính ỷ-lại, rồi đến lúc cờ vào tay phải phất, không biết đằng nào xoay-giở, đến nỗi nhiều khi làm bại-hoại cả công-nghiệp của cha ông. Xét các lẽ đó, đủ rõ kiểu đại gia-đình thật khó giữ được mỹ-mãn mãi. Bởi khó giữ được mỹ-mãn

BÀN GÓP VỀ CÁCH DÙNG CHỮ ĐẶT CÂU TRONG SỰ HỌC CHỮ HÁN

Bản-chí được tiếp bài lai-cảo như đây, quý vì trong xã-hội đương có người như ông Ngọc-sơn cùng biểu-đồng-tình về sự học chữ Hán. Vậy xin cứ nguyên-văn của ông đăng lên, để công đồng-lãm. Còn như theo ý-thức của các nhân-viên trong Báo-quán, đối với ông hoặc có dị-đồng, sẽ xin biểu-bạch ở kỳ khác.

An-nam Tạp-chí

Nước ta là nước không có chữ riêng, phải học mượn học nhờ chữ của nước khác. Trước khi nhà nước Đại-Pháp chưa sang bảo-hộ, ta vẫn học nhờ lối chữ Hán, kể từ văn-chương khoa-cử cho đến đơn từ giấy má đều theo toàn lối chữ ấy cả. Dẫu người hiền-trí có nhân lối chữ Hán đặt riêng ra lối chữ «nôm», song kẻ viết với người đọc vẫn còn nhiều chữ sai lầm, chớ không được nhất định như chữ «quốc-ngữ» bây giờ.

Ấy ta học chữ Hán đã lâu, theo phong-hóa Tàu đã lắm, nên muốn biết ý-tưởng cùng sự-tích của các bực tiền nhân tất phải xem nguyên-văn của các cụ di-truyền lại, thời mới hiểu được đại-ý, mà cho được xem hiểu đại-ý của nguyên-văn, thời cái vấn-đề Hán-học lại chẳng phải cái vấn đề có thể để nhẵng qua được.

Tiếc rằng các bạn thiếu-niên theo lối Pháp-học đã tốn công, cái thời giờ có thể bớt ra luyện-tập về Hán-học lại không được mấy, mà cái lối Hán-học có phải dễ đâu? Chẳng nói ai cũng biết rằng: lối Hán-học là lối học không bờ cõi, chẳng mẹo mực gì, cứ học mãi tập luôn tự khắc cái ảnh-hưởng của tinh-thần nó đến lúc nào không biết; ngay như ông Nghè ông Bảng chấm một bài văn cho học trò khuyên khuyên sổ sổ (1) chỉ trong trí-não hiểu ngầm mà thôi, chớ không sao diễn-dụ ra được. Thế thì các bạn trẻ ta nay, làm gì có thì giờ mà kéo dài ra thế được, tất nhiên phải nhờ các bực cao-minh tìm ra bờ cõi đặt ra mẹo mực thời chiếc thuyền giữa bể kia mới có thể theo phương-hướng tới bờ được vậy.

Vừa đây tôi được xem bài «*Xét về cách dùng chữ đặt câu trong sự học chữ Hán.*» của ông Tản-Đà đăng trong cuốn An-nam tạp-chí số 27, ngày 30 Janvier 1932, thấy ông đem Hán-học so với mẹo học của Pháp (grammaire) biết ông đã tìm được cách tài-tình, chẳng những giúp được các bạn trẻ chóng am-hiểu về đường Hán-học mà thôi, cả đến đường Pháp-học cũng nhờ đó mà lại rạng thêm ra nữa. Đây tôi cũng nhận ý ông, bàn góp ít nhiều, họa may có một đời chút công ích trong muôn một nào vậy.

Các mối chữ Hán cũng tượng-tự như các mối chữ Pháp cũng có noms *pronoms, adjectifs, adverbes, articles* v. v.... duy có những mối về chữ Pháp có thay đổi hình-dạng mà những chữ Hán dẫu số ít, số nhiều, giống đực, giống cái mặc lòng, chữ nào bao giờ cũng nguyên hình chữ ấy, chớ không thay đổi gì cả.

Ví dụ:

一人橫行於天下武王恥之

Nhất nhân hoành-hành ư thiên-hạ Vũ-vương sỉ chi.

Nhất = một, *article indéfini déterminé* chữ *nhân*.

Nhân = người, *nom commun sujet* của chữ *hành*.

Hoành = ngang; đây nghĩa là ngang ngược (*révolter*) *adverbe de manière modifie* chữ *hành*.

Hành = đi, *verbe 3e personne du singulier*.

Ư = chưng nghĩa chữ *ư* (ở câu này là *préposition à, de, sur, dans* khi dịch sang chữ Pháp tùy dụng)

Thiên = giời, *hạ* = dưới, *thiên-hạ* (trong thiên hạ) *nom composé compl. circ. de lieu* của chữ *hành*

Vũ-vương = vua Vũ-vương *nom propre sujet* của chữ *sỉ*.

Sỉ = xấu hổ, *verbe 3e pers. du singulier*.

Chi = đấy, bao giờ ở cuối câu cũng là *point virgule*.

Nghĩa câu: *Một người ngang đi trưng trong thiên-hạ vua Vũ-vương xấu hổ đấy.*

Đại ý: *Trong thiên-hạ có một người bạn nghịch nào, vua Vũ-vương lấy làm xấu hổ, vì phong-hóa mình chưa được khắp.*

三人同行必有我師焉.

Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên.

Tam = ba adj: numéral cardinal détermine chữ *nhân*.

Nhân = người nom commun sujet của chữ *hành*.

Đồng = cùng adverbe modifie chữ *hành*.

Hành = đi, *verbe 3e pers, du pluriel*.

Tất = ắt, *adverbe de manière modifie* chữ *hữu*

Hữu = có, *verbe infinitif*.

Ngã = ta, có chỗ là *pronom pers.* nhưng đây là *adj. poss. déter. chữ sư*.

Sư = thầy, nom commun compl. của chữ *hữu*

---

cho nên từ xưa sách vở của Tàu và của ta, kể có mấy mươi nghìn xe, mà quá nửa thiên dạy về gia-đình luân-lý. Gia-chi-dĩ phương Đông đã có lắm người tài cao trí lớn, mà suốt đời lo liệu gia-đình không xong; cả đến các thánh-triết Á-Đông cũng than rằng: trị nhà khó, trị thiên-hạ dễ, mà lấy việc tề-gia làm gốc, rồi mới đến trị quốc bình thiên hạ.

Đời này là đời có cạnh-tranh mấy sinh-tồn, vậy làm dân..... ....còn có nhiều việc phải gánh, không phải chỉ một việc gia-đình mà thôi. Thế thì kiểu đại gia-đình hơn, hay kiểu tiểu gia-đình hơn, xin các anh em chị em chọn lấy.

Tân-Thôn-Dân

(1) Lối chấm Hán-văn câu hay thì khuyên (o) câu hỏng thì sổ (|).

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Yên 𠫓 vậy, chữ này ở cuối câu, nghĩa là *point d'exclamation* « ! ».

Nghĩa câu : *ba người cùng đi, hẳn có thầy ta* !

Đại ý : *ba người cùng đi, hẳn có điều phải nhề chái, làm gương cho mình !*

Câu thứ nhất và câu thứ nhì hai chữ *nhân* và hai chữ *hành* số ít số nhiều khác nhau, mà chẳng thấy hình chữ thay đổi chi cả ; lại như những chữ :

賢弟 *hiền đệ* 𠫓 em hiền.

賢妻 *hiền thê* 𠫓 vợ hiền.

諸賢弟 *chư hiền đệ* 𠫓 các em hiền.

諸賢妻 *chư hiền thê* 𠫓 các vợ hiền.

Những chữ *hiền* trên này số ít số nhiều, giống đực giống cái khác nhau, cũng chẳng thay đổi gì, cứ xem như thế đủ rõ.

Các đoạn trên này, tôi cũng nhân ý ông Tản-Đà bàn thêm ra ít nhiều đó thôi; còn về các mối *articles* thời *l'article partitif*, trong mối chữ Hán, hay lẫn vào *préposition*, cũng vì mối chữ ấy không bao giờ thay đổi, nên không chỉ rõ ra được.

Ví dụ :

飲河之水 ẩm hà chi thủy.

Nghĩa là : *uống chưng nước sông.*

食君之祿 thực quân chi lộc.

Nghĩa là : *ăn chưng lộc vua,*

Những chữ *chi* đây là *proposition* có nghĩa *l'article partitif* .

Còn những tiếng *articles simples* thời ít khi có, mà nếu có thời nó lại hay đi sau tiếng *nom* (cũng như *adv.* hay đi trước *verbe*, xem những câu trên đã nói) để chỉ cho tiếng *nom* ấy rõ nghĩa ra hơn hết các tiếng *nom* khác trong một câu, một đoạn.

農者天下之大本

Nông giả thiên hạ chi đại bản.

Nghĩa là : *Việc làm ruộng là một gốc nhớn trong thiên-hạ.*

Chữ *nông* đây là *nom*, chữ *giả* là *article simple* (chữ *chi* là *verbe* không phải *préposition*).

學者祿在其中矣

Học giả lộc tại kỳ trung hĩ.

Nghĩa là : *Sự học có bổng - lộc ở trong.*

大者役小者

Đại giả dịch tiểu giả

Nghĩa là : *Kẻ nhớn sai kẻ nhỏ*

往者不追來者不拒

Vãng giả bất truy lai giả bất cự.

Nghĩa là : *Kẻ đi chẳng theo, kẻ lại chẳng đuổi.*

Chữ *học* đây là *nom* mà chữ *giả* đây là *l'article simple.*

Chữ *đại* và chữ *tiểu* đây là *adj. employé comme nom* mà hai chữ *giả* là *art : simple.* Chữ *vãng* và chữ *lai* đây là *verbe employé comme nom* mà hai chữ *giả* là *art. simple.*

Tôi theo chút kiến-thức muốn bàn góp cùng ông Tản-Đà và hiến các bạn trẻ một đôi phần về Hán-Pháp học, còn sau này nếu được rộng thì giờ, lại sẽ đem cách trông hình dạng chữ đoán nghĩa, để các bà con cùng xem xét

Ngọc-sơn

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

Les confessions de J.J. Rousseau »

5

(*Tiếp theo*)

Cái cuộc giáo-dục đó đang chuyển vần như thế, bỗng xảy ra một việc bất-kỳ, có ảnh-hưởng đến suốt cả hậu-vận của tôi, cha tôi có bất-bình mà sô-sát với một người tên là Ngô-chi, làm đại-úy ở Pháp-quốc mà có gia-quyến làm chân hội-đồng ở xứ tôi. Gã Ngô-chi, hỗn hào nhưng lại hèn-nhát, nhân chầy máu mũi liền lấy đấy mà báo-thù, vu-oan cho cha tôi đã rút gươm đâm gã. Theo luật, rút gươm trong châu-thành là có lỗi; người ta muốn đem cha tôi làm tội, nhưng cha tôi lại lấy một điều luật khác mà quyết đòi phải bắt tội cả gã kia, cùng vào nhà pha cả. Cha tôi kêu xin nhưng không được như nhời, ức tình liền ra đi; thà rằng rời bỏ tỉnh *Giơ-ne (Genève)* mà đi lưu-lạc tha phương, còn hơn là chịu kém về một chuyện có thể làm cho danh-dự và tự-do mình đều bị xâm-phạm.

Tôi ở lại tỉnh nhà, cha tôi gửi tôi ở dưới quyền trông nom của chú *Bách-na* tôi, lúc bấy giờ chú tôi làm ở trại lính Giơ-ne. Chú tôi có một người con gái lớn thì đã mất, chỉ còn một người con giai nữa, cũng bằng trạc tuổi tôi.—Hai chúng tôi cùng đem gửi ở *Bồi-tây*, trọ ở nhà ông thày đạo *Lâm-bác-sĩ* để học tiếng la-tinh và những cái món vụn vặt mà người ta vẫn đem kèm theo vào món ấy mà đặt tên cho cả cái bộ là «giáo-dục».

Trong hai năm giời ở chốn thôn-giã ấy, cái tính cương-nghị tôi đã tiêm-nhiễm trong khi sống cùng các danh-nhân La-mã cũng dần dần bớt cứng cỏi đi, tính-tình tôi dần dần bớt cứng để hóa ra dịu-dàng hơn một chút, thế là tôi lại giở lại cái địa vị trẻ con ở *Giơ-ne* chẳng ai bó buộc gì tôi, thì tôi chăm học, tôi ưa xem sách, chỉ lấy sách làm vui ở *Bồi-tây*, cái học cưỡng-bách làm cho tôi thêm thích cuộc chơi tiếp theo các buổi học. — Thú thôn quê mới nếm, cái phong-vị có vẻ mới mẻ, tôi không biết chán.—Càng ngày càng mến cảnh nhà quê, sự mến yêu ấy ngày nay cũng không phai-nhạt.—Nhớ lại những ngày sung-sướng ở cảnh ấy khiến cho tôi suốt đời còn nhớ cảnh mà tiếc cái thú quê-mùa lại tiếc cả người đã lên tỉnh đón tôi đem về chốn ấy, là cụ *Lâm-bác-sĩ*. Cụ là một người có kiến-thức. và biết dạy trẻ; cụ dạy chúng tôi mà không đến nỗi bắt tội chúng tôi bị học nhiều thái-quá. Cái triệu chứng này đủ tỏ là cụ rất thạo trong việc giáo-dục ấy: tôi bình-sinh vốn ghét hết thảy các sự câu-thúc, thế mà những giờ ngồi học cụ, tuy có câu-thúc nhưng về sau không bao giờ nghĩ lại những giờ ấy mà đến nỗi phải lấy làm ghê—Tôi học cụ cũng không học được nhiều, nhưng phàm điều gì cụ đã dạy thì lúc đang

học, học không thấy khó-nhọc gì, mà về sau thì nhớ mãi, nay cũng còn chưa quên.

Cuộc sinh-hoạt ở chốn thôn quê giản-dị thay, có ảnh-hưởng tốt cho tôi không biết chừng nào mà kể; thuở ấy, chính là lúc trong lòng tôi mới nếm biết cái tình bầu-bạn. Trước kia, tôi vẫn có nhiều cảm-tưởng cao-thượng, nhưng chẳng qua ở trong cõi mộng. Lúc ấy, tôi cùng em họ tôi, tức là con chú *Bách-nan* tôi, cùng chung nhau một cảnh, cùng hưởng với nhau cái cuộc đời thái-bình ấy, thành ra tình thân-mật càng thêm khăng-khít. Chẳng bao lâu tôi yêu-mến người em họ ấy có nhẽ lại hơn là tôi yêu mến anh ruột tôi khi trước; chút tình bầu-bạn, tới nay còn như xưa.— Em họ tôi người cao mà gầy, trông thật mảnh-khảnh, do sắc thịt yếu-ớt mà tinh-thần càng dịu-dàng, tính nết càng hiền-hậu; ở trong nhà trọ, người ta nể em tôi hơn tôi. — vì nể chú tôi cho nên biệt-đãi con giai chú tôi, đó là lẽ thường. — Nhưng em tôi cũng không quá-lạm cái sự biệt-đãi ấy. Chúng tôi học cùng học, chơi cùng chơi, thích cái gì cùng thích với nhau.— Chỉ có hai người với nhau, cùng đang tuổi trẻ thơ, hai chúng tôi đứa nào cũng cần có một người làm bạn, nếu chẳng thân-thiết với nhau lại lìa-rẽ nhau có khác gì tự mình lại liều thân hoại thể mình. Tuy ít có dịp để lộ cái tình tương-ái ra ngoài mặt, nhưng tình ấy thật đến cực-điểm; không những là chúng tôi rời nhau một lúc nào cũng không chịu được, chúng tôi lại không thể tưởng-tượng rằng có thể rời nhau ra được. Hai đứa cùng ưa vồn-vã, hai đứa cùng hay chiều ý người, miễn là người ta đừng bó-buộc mình, nên lúc nào chúng tôi cũng tâm-đầu ý-hợp, về chuyện gì cũng vậy. — Vì những người trông nom chúng tôi đối với em tôi có ra chiều biệt-nhỡn, khi trước mặt những người ấy thì em tôi có khi được chỉ-bảo tôi phải nghe; nhưng khi chỉ có hai chúng tôi với nhau, thì tôi bảo, em tôi lại phải nghe tôi; thành ra hai bên lại hóa ra cân nhau. Trong khi học, nếu em tôi đọc bài có ngập-ngừng thì tôi khẽ nhắc cho; khi tôi làm xong bài của tôi thì tôi giúp em tôi làm bài của hắn; những lúc chơi đùa, thì tính tôi hiếu-động hơn em tôi, lại dắt-díu em tôi cùng nô với tôi. Rút lại, chúng tôi hợp tính-nết với nhau, cho nên tình bầu-bạn càng thêm thân-thiết, đến nỗi trong hơn năm năm giời vừa ở *Giơ-ne* vừa ở *Bồi-tây*, chúng tôi không lúc nào xa nhau. Tuy có khi cũng có đánh nhau, tôi xin thú thật, nhưng không bao giờ đánh nhau dữ đến nỗi phải có người can thì mới thôi, không bao giờ cãi nhau mà giận nhau lâu hơn một khắc đồng-hồ, và không bao giờ đứa nọ thù đứa kia mà đi mách tội hay vu oan gì cho nhau cả. Hoặc cũng có người cho những việc ấy là nhỏ-nhen và trẻ con. Nhưng các việc nhỏ ấy kết thành một cái gương, mà tôi dám cho là dễ thường từ khi có trẻ con chưa thấy hai đứa nào treo gương bầu-bạn với nhau được như thế.

Cái cách tôi sinh-hoạt *ở Bồi-tây* hợp với ý-nguyện của tôi lắm, vì phỏng cứ sống như thế mãi, thì có nhẽ tính nết tôi cũng do đấy mà nhất định biến ra một cách khác. — Thuở ấy, bản-tính tôi chỉ đặt những cái cảm-tình êm-ái, đa-cảm, bác-ái, hiếu-nhàn. — Tôi thiết tưởng tình tự nhiên, thì không có ai ít hiếu-thắng như tôi. Thỉnh-thoảng có lúc phấn-khởi muốn ước-ao những việc vĩ-đại, nhưng qua những lúc phấn-khởi chốc lát ấy, thì tôi lại rơi vào trong cõi đại-lãn. Mọi điều sở-ước của tôi, chỉ có một điều sốt-sắng nhất: là ước gì ai nấy đều yêu-mến tôi. Tính tôi hiền, tính em họ tôi cũng hiền, tính những người trông nom dạy dỗ chúng tôi cũng hiền, trong hai năm giời, mắt tôi không hề phải thấy một việc gì tàn-bạo, mà tôi cũng không bị điều gì tàn-bạo.— Hoàn-cảnh ở ngoài càng thêm khiến cho tính tự nhiên của tôi đã lành hiền lại càng lành hiền thêm.

Khi còn nhỏ, tôi không biết sự gì thú-vị hơn là được trông thấy mọi người được vui lòng vì tôi và được vui lòng vì cả mọi việc đời...

Tôi còn nhớ khi học bổn-kinh ở nhà thờ hễ đến lượt tôi phải đọc bài ví có lúc nhỡ ra không thuộc mà ngập ngừng, trông nét mặt của cô em gái cụ Lâm-bác-sĩ có vẻ giận và trách, thì tôi bối-rối không biết thế nào mà nói. — Cái xấu-hổ không thuộc bài trước mặt công chúng, tôi không lấy làm e-sợ bằng cái nét buồn của cô. — Không phải là tôi không biết thẹn, vốn tôi thích được người ta khen lắm chứ, mà nếu phải người ta chê thì nhục lắm; tuy vậy, thật quả lúc nào tôi sắp bị cô Lâm quở mắng, tôi đau lòng về nỗi phải mắng thì ít mà đau lòng vì nỗi để phiền cho cô thì nhiều hơn.

Nhưng cô Lâm, và cả cụ Lâm-bác-sĩ nữa, chẳng phải là người không biết dùng roi vọt, lắm lúc rất nghiêm-khắc, nhưng nghiêm mà công-bằng không thiên-lệch, cho nên tôi dù phải phạt cũng không có thể lấy làm ức hay là bực mình mà phải cãi lại bao giờ; chỉ lấy làm buồn, cái buồn không phải là buồn cho thân phải phạt, cái buồn là buồn đã khiến cho người khác không yêu mình nữa, ghét mình ra mặt. Tôi tự biết phân-giải cái tâm-lý-điểm ấy cho rõ, cũng hơi khó.....

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng *dịch*

Cải-chính

Số báo 28 trang 13 cột thứ hai giòng thứ ba «*mỗi khi cậu tôi sang*» xin đọc là «*mỗi khi* **cơm tối xong**»

Trang 14 cột thứ nhất, giòng thứ 28, «*người du-đãng yêu nhau đến bực nào*» xin đọc là « ... *yêu ai* **có thể** *đến bực nào*; giòng gần cuối «*nũng nịu*» đọc là « *nâng niu* » —

Trang 14 cột thứ hai, giòng gần cuối «*ước ao* **bằng lòng** *vô-lý*» xin đọc là « *bông lông vô-lý* »

Trang 14, cột thứ ba, giòng thứ 12: « *du em* . . . » xin đọc là « **đủ êm ái** »

Vì bản-thảo của dịch-giả không được tinh-tả còn nhiều chữ nhầm khác nhưng không quan-trọng. Sau hoặc có khi lại nhầm. Xin lỗi các Độc-giả từ nay và mong Độc-giả lượng cho.

Ng. T. L.

VĂN-ĐÀN

Thiên « Lực, Mạnh » (1) của Liệt-tử

Anh Lực bảo anh Mạnh rằng:

«Công của anh bằng ta thế nào được!»

Anh Mạnh trả lời rằng:

«Anh có công gì với muôn vật, mà dám ví với ta?»

Anh Lực lại nói: «người ta được sống lâu hay chết non, cùng hay đạt, sang hay hèn, giàu hay nghèo, đều là nhờ ở ta cả.»

Anh Mạnh nói: «trí ông Bành-tổ hẳn không hơn được vua Nghiêu, vua Thuấn, mà sống lâu đến 800 năm; tài ông Nhan-Uyên hẳn không kém những người thường mà chết năm 32 tuổi; đức ông Trọng-Nơi (Khổng-Phu-tử) hẳn không ở dưới các vua Chư-hầu, mà bị khốn quẫn ở đất Trần đất Thái; nết vua Trụ nhà Ân hẳn không hơn được ba người Nhân (Vi-tử, Cơ-tử, Tỷ-can) mà ngồi chễm chện ngôi vua; ông Quý-Trát là một người chân trắng ở nước Ngô mà người Điển-Hắng làm vua cả nước Tề; ông Gi, ông Tề chết đói ở núi Thủ-dương mà họ Quý-thị giầu hơn ông Triển-Cầm. Xem thế, nếu anh có giỏi, sao lại làm cho người này sống lâu mà người kia chết non, ông Thánh cùng-quẫn mà quân nghịch hiển-đạt, người hiền hèn-tiện mà thằng ngu tôn-quý, kẻ thiện nghèo-kiết mà đứa ác thì giầu có?»

Anh Lực nói: «Nếu như nhời anh, tôi đã không có công gì với muôn vật, mà nay muôn vật lại hóa ra như vậy, thì chả tại anh ngăn-cản đó ru!»

Anh Mạnh nói: «Đã gọi là mạnh, còn có việc gì phải ngăn cản nữa. Cái gì ngay thì ta cứ đầy thẳng đi, cái gì cong thì ta cứ để mặc tự-nhiên. Thế là họ tự sống lâu, tự chết non, tự cùng, tự đạt, tự sang, tự hèn, tự giầu, tự nghèo, ta biết đâu được những việc ấy! Ta biết đâu được những việc ấy!»

Bắc-Cung tử bảo Tây-Môn tử rằng: «Ta với bác cùng sinh ra một đời, mà người ta làm cho bác được hiển-đạt; cùng một họ mà người ta kính bác; cũng là mặt mà mặt bác được người ta yêu; cũng là nói mà nhời bác được người ta dùng; cũng một nết mà bác được người ta tin; cũng làm quan mà bác được người ta quý; cũng làm ruộng mà bác được người ta làm cho nên giầu; cũng đi buôn mà bác được người ta làm cho có lợi. Ta mặc áo vải ngắn, ăn cơm hẩm, ở nhà ranh, đi chân, không mà bác, mặc thì áo gấm hoa, ăn thì cơm trắng thịt béo, ở thì lầu cao cửa rộng, đi thì xe trước ngựa sau; ở nhà, bác đắc-ý, có bụng muốn ruồng bỏ tôi, vào Triều, bác làm ngơ, ra dáng khinh rẻ tôi; đến nhà thường không được tiếp, ra đường chỉ muốn lánh mặt, bác cư-xử như thế đã từ mấy năm nay rồi. Vậy bác tưởng là đức bác hơn tôi chăng?»

Tây-Môn tử trả lời rằng: «Ta cũng không có thể hiểu rõ được sự đó. Bác làm việc thì cùng-quẫn, ta cũng làm việc thì hiển-đạt, có lẽ đó là cái chứng-nghiệm chỗ hơn kém chăng? Vậy mà bác dám bảo cái gì cũng như ta, bác thật mặt dầy lắm!

Bắc-Cung tử không trả lời được, tâng-hẳng đi về. Giữa đường gặp thày Đông-Quách. Thày hỏi rằng: «Anh ở đâu về, đi lủi thủi một mình, mà trông lại có vẻ thẹn thò thế?»

Bắc-Cung tử thuật lại chuyện vừa rồi.

Thày Đông-Quách bảo rằng: «Ta sẽ chữa lại cái thẹn cho anh.» Rồi cùng với Bắc-Cung tử lại đến thăm Tây-Môn tử mà hỏi rằng: «Sao anh làm nhục Bắc-Cung tử quá đến như thế? Anh hãy nói lại chuyện cho tôi nghe.»

Tây-Môn tử thưa rằng: «Anh Bắc-Cung bảo thế-tộc, dung-mạo, ngôn-hạnh, tôi với anh ấy cùng giống nhau mà bần-tiện phú-quý lại khác nhau. Tôi trả lời rằng: «Ta cũng không có thể hiểu được sự đó. Bác làm việc thì cùng-quẫn, tôi làm việc thì hiển-đạt, có lẽ đấy là cái chứng-nghiệm hơn kém chăng? Vậy mà bác dám bảo cái gì cũng cùng với tôi, bác thật mặt dầy lắm!»

Thày Đông-Quách bảo rằng: «Anh nói chỗ hơn kém, chẳng qua chỉ lấy tài đức làm bực, cái chỗ hơn kém, theo ý ta, thời khác hẳn thế. Bắc-Cung tử hơn về đức mà kém về mạnh, anh hơn về mạnh mà kém về đức. Anh được hiển-đạt, không phải vì khôn đâu, Bắc-Cung tử bị cùng-quẫn, cũng không phải vì ngu đâu! Cái đó đều bởi giời cả, không phải ở người. Anh vì được mạnh hơn mà khoe mình, Bắc-Cung tử vì đức hơn mà tự lấy làm thẹn, thế là cả hai anh không biết cái lẽ cố-nhiên rồi.»

Tây-Môn tử thưa rằng: «Thôi, xin thầy đừng dài nhời, từ đây, tôi không dám hé môi nữa.»

Còn Bắc-Cung tử về nhà, mặc áo vải ngắn, cũng thấy ấm như áo hồ-cừu, ăn miếng rau rưa, cũng thấy ngon như cá thịt, ở dưới mái nhà ranh, cũng thấy khoáng đãng như lầu cao cửa rộng, ngồi trên xe củi, cũng thấy lịch sự như chiếc xe tứ-mã vẽ hoa. Cả đời thảng-thích, cũng không biết rằng cái *vinh* cái *nhục* bởi đâu hay bởi mình nữa.»

Mai-khê

(1) Lực là nhân-lực: sức người. Mạnh là thiên-mạnh: mạnh giời.

Nhời bàn của dịch-giả

Học-thuyết Liệt-tử, trước đây vẫn bị học-giả phương Đông coi lẫn với học-thuyết Trang Lão, chê là thiên về bên điểm đạm hư vô, không thích hợp với thời-đại mới. Nhưng xem đại ý bài trên này Liệt-tử cũng khuyên người ta phải cứ dụng «lực», duy đến cái kết quả, thì phải nên phục-tùng cái «mạnh». Nội trong những điều gì ở vào quyền hạn của ta, ta cứ theo đuổi làm cho hết bổn phận, cho bằng người, còn cái cùng hay đạt, thành hay bại, ta nên cho là tại « mạnh », mà đừng có quan-tâm lắm. Nhất là đoạn kết nói về nhẽ vinh nhục, lại rất phù hợp với chủ nghĩa « thuận ứng tự-nhiên sinh-hoạt » của phái cổ-hiền Tư-đa-Cát (Stoïcisme) nước Hy-lạp ngày xưa. Gắng sức về đường đạo-đức, cầu lấy khoái-lạc tự-do về bên tinh-thần, trừ bỏ nhất thiết các điều dục-vọng gì có thể làm cho ta thành ra nô-lệ những sự vật ở ngoài, cái chỗ hai phái hiền-triết Tây Đông gặp nhau là ở đấy. Xem vậy học-thuyết Liệt-tử khác hẳn với thuyết « khiêm nhượng bất tranh » của Lão-tử, mà cũng không có dính dáng gì với thuyết « túc mạnh » (Fatalisme) ở Tây phương.

Đương lúc quan-niệm vật-chất thịnh-hành người đời vì sô nhau vào đường phú-quí, mà tự chuốc lấy biết bao nhiêu là sự phiền não. Vậy cái thuyết « lực, mạnh » của Liệt-tử thật đáng nên nêu ra, để làm một liều «thuốc giải» cho những tấm óc bị mê mẩn vì cái « bả » vinh hoa.

Mai-khê

DỊCH THƠ PHÁP

Họa bài đoản-thi của Arvers

(An-nam Tạp-chí số 28)

Thiếu niên thi-sĩ Félix Arvers có bài đoản-thi than tình tuyệt vọng đối với bà Marie Nodier, bà Marie Nodier có xem đến thơ đó, mà như vô tình không muốn hiểu. Hơn 60 năm về sau, có người tinh nghịch thay lời bà Marie Nodier họa vần đáp lại bài thơ ấy rằng:

Ami, pourquoi nous dire avec tant de mystère,
Que l'amour éternel en votre âme conçu
Est un mal sans espoir, un secret qu'il faut taire.
Et comment supposer qu'elle n'en ait rien su ?
Non, vous ne pouviez point passer inaperçu,
Et vous n'auriez pas dû vous croire solitaire.
Parfois les plus aimés font leur temps sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
Pourtant, Dieu mit en nous un cœur sensible et tendre.
Toutes, dans le chemin nous trouvons doux d'entendre
Le murmure d'amour élevé sur nos pas·
Celle qui veut rester à son devoir fidèle
S'est émue en lisant ces vers tout remplis d'elle.
Elle avait bien compris. .. mais ne le disait pas.

Bạn ràng một khối u tình.
Nào tâm não trí mà thành thiên thu.
Tình vô vọng, chôn sâu tấc giạ !
Chắc đâu rằng người đã không hay!

Vả chăng người đấy ta đây,
Can chi phiền nỗi tháng ngày chiếc thân.

Giống đa tình cõi trần bao kẻ,
Đường ái ân xá kể niềm riêng.

Dễ dàng là tình thiên nhiên.
Đố ai chẳng thích người khen yêu mình !

Chữ tiết-liệt đoan-trinh tạc giạ,
Mối cương thường đạo cả muôn năm.

Cảm chàng nặng khối tình thâm.
Ngâm câu giai tác, thương thầm ... lạm ngơ.

N. T. G.
Institutrice

THƠ

Ngày Xuân tương-tư

Trách cái tầm xuân nhả mối tơ,
Làm cho bối-rối mối tương-tư.
Xương mù mặt đất người theo mộng,
Nhạn lảng chân giời kẻ đợi thư.
Nghìn dặm dám quên tình lúc ấy,
Trăm năm còn nhớ truyện ngày xưa.
Tương-tư một mối, hai người biết;
Ai đọc thơ này, đã biết chưa?

Tản-Đà

Nhời nàng My-Châu

Ai ơi! có thấu nỗi này không?
Phụ bạc công cha cũng bởi chồng.
Những tưởng Bắc Nam tròn một kiếp,
Nào ngờ Tần Việt ở hai lòng.
Hạt chai đầm lệ, duyên càng tủi,
Giếng ngọc pha bùn, nước chửa chong.
Muốn thuở sử-xanh còn chép để,
Thẹn thùng lấy cả đến non sông.

Hương-trì

Thơ mừng quan Tuần Nguyễn-tất-Tế về hưu

Sao sác chiều hôm chợ vắng người,
Quan trường nay cũng rửa mà thôi.
Tuổi làm việc nước vừa ba chục,
Trên có nhà xuân ngoại tám mươi.
Hoa-ngạc lầu thêm vui có bạn,
Cam-đường bóng đã rợp nhiều nơi.
Gác xe thoát khỏi vòng danh lợi,
Trông lại đường mây cát ngập giời.

Đoàn-như-Khuê

Qua phủ Đoan-hùng hoài cảm

Tầu Tuyên vừa chạy mấy ngày nay,
Này phủ Đoan-hùng có phải đây??
Mấy ngọn chầy xuôi, ơ! nọ nước!
Một giời xanh biếc, ới! kìa mây!
Phong-trần rạn mặt người du-tử.
Tang-hải đau lòng khách mạc-tây.
Trông cảnh lòng riêng thêm bát-ngát,
Kìa đàn chim én nó đang bay.

Kiếm hồ hoài cổ

Cảnh cũ còn trơ dấu cổ-thành,
Mặt hồ Hoàn-kiếm nước chong xanh.
Sen tàn, hương khói, chuông kim cổ,
Mô đất, mai dùa, khách vắng tanh,

Kim-Long **Trần-quang-Khải**
(Thái-bình)

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Làm giai

男兒生世間
及壯當封候
戰伐取功業
何必守舊丘

Nam nhi sinh thế gian,
Cập tráng đương phong hầu.
Chiến phạt thủ công-nghiệp.
Hà tất thủ cựu khâu.

Dịch:

Làm giai sinh ở trên đời,
Nhớn lên ta phải liệu thòi lập công.
Ra tay đánh bắc dẹp đông,
Khư-khư só bếp còn mong nỗi gì!

Hương-trì

Băng-hồ Hàn-vận

(Tiếp theo)

4.—*Nhan-uyển-Tại*, người Đồng-Hương, tự là Uyển-Tư, con quan Lang-trung Tuyết-Điệu. Lấy phải người không xứng-đáng, buồn-bã mà chết. Thơ cảm hoài rằng:

Bài thứ nhất

Thu nhập trùng môn dạ tự niên,
Sạ lan hương tẫn bất thành miên.
Ngô song tọa thính tiêu-tiêu vũ,
Khiên tận tàn đăng độc ẩm nhiên.

Dịch nghĩa

Buồng thu đẳng đẵng suốt năm canh,
Đốt hết lò hương ngủ chẳng đành,
Lách-tách tiếng mưa ngoài cửa sổ,
Đèn tàn khêu cạn những buồn tênh.

Bài thứ hai

Đại ngẫn tiêu giảm lưỡng mi phong,
Cưỡng khởi lâm trang ỷ dĩ dung.
Đối kính tự nghi phi tự ngã,
Khả năng trừu thủ cựu thời dọng!

Dịch nghĩa

Son phai phấn nhạt nét mày trơ,
Đứng trước đài-trang luống hững hờ.
Đối kính nhìn ta, ta cũng ngợ,
Má hồng đâu nữa vẻ ngày xưa.

5.—*Trịnh-du-Tú*, người Phong-sơn, là vợ Vương-giới-Mi ở Hoài-âm, có tập thơ Tự di thảo.

Thơ tự-thân rằng:

Thập nguyệt sương phong thấu lãng la,
Mộng hồn thường tự Việt-giang ba.
Cận lai lệ vị tư thân lạc,
Khước tỉ Tiêu-tương vũ cánh đa!

Dịch nghĩa

Giời đông mảnh áo lọt hơi xương,
Cồn cộn lòng như sóng Việt-giang,
Giọt lệ nhớ nhà rơi là chả,
Kể gì mưa nặng bến sông Tương.

6—*Khương-Quế*, người Ngô-huyện, tự là Phương-Thùy, hiệu là Cổ-Nghiên Đạo-nhân, con gái ông Hiếu-liêm Khương-bản-Vị. Hứa gả cho Trương-sinh; chưa cưới, Trương-sinh mất. Nàng mười chín tuổi, nghe tin muốn chết theo; cha mẹ cố khuyên can mới thôi ở vậy thờ cha mẹ trọn đời, nổi tiếng là người con gái trinh hiếu; giỏi nghề vẽ sơn thủy.

Thơ đề bức họa rằng:

Noãn phong tình nhật ái lương thần
Song ngoại mai hoa điểm điểm tân.
Cánh tưởng lâm toàn thanh thục trí
Sơn quang thụ sắc tả sơ xuân.

Dịch nghĩa

Mây quang gió tạnh buổi êm giời,
Trắng xóa ngoài hiên mấy khóm mai.
Kìa thú lâm toàn thanh-nhã thế,
Núi cây như vẽ cảnh xuân tươi

(Còn nữa)

CA HÀNH - VÂN

Khuyên sự học

(Điệu ca hành vân)

Một đôi lời, một đôi lời, nhắn bạn mình ơi! Ngày xuân qui, ai chớ ham chơi! Siêng năng rèn luyện, làm nên đấng anh tài, cho thiên-hạ nhìn coi. Công sách đèn, năm trời không phụ.

Đường văn-học, xa tít mù khơi! Bước theo người hẹn cùng Âu, Á sánh bằng vai, bằng vai.

Rư-đồ cũ, con cháu Tiên Rồng, hồ giấy chung cùng, hợp bồi chung, bồi chung. — Nợ tang bồng, gái trai cùng chung. Con đường xa lắc, bước đi từ bậc sơ thông.

Hoàng-quang-Đức

VĂN TẬP KIỀU

Gửi cho bạn gái sa nhau đã 17 năm lại được gặp

Cùng nhau trông mặt cả cười,
Giăng tà lại tỏ hơn mười rằm xưa.
Phải người giăng gió vật vờ,
Dám xa xôi mặt mà thơ thớt lòng.
Nước non để chữ tương phùng,
Khát-khao đã thỏa tấm lòng bấy nay.
Đến bây giờ mới thấy đây,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Thì chi chút đỉnh gọi là duyên sau.
Yêu nhau xin nhớ nhời nhau.

Mộng-trù

LÝ-THÚ

Ông Gandhi suýt bị ra tòa án Pháp

11 giờ đêm hôm 5 Décembre năm ngoái, ông Gandhi đến thành Ba-lê vào số nhà 165 phố Montparnasse. Bà Guiess mong được hân-hạnh tiếp rước Ông, nên Ông cũng chiều ý.

Lúc ấy, một nhà chật-ních, ông Gandhi đàng đàn.

Mỗi câu Ông nói, công-chúng lại vỗ tay rầm-rầm; cũng như xưa, mỗi lúc vua Auguste nhấp hớp rượu cay, cả nước Ba-an lại say túy-lúy.

Đến hai giờ sáng, mấy bác thợ chớp-ảnh-nói lại khuân máy điện đến, quay máy rầm-rầm.... Thành thử mấy ông láng-giềng suốt đêm không nhắm được mắt.

Hai ông láng-giềng, M. Pignot, bác-sĩ, và M. Louis Madet, một nhà công-nghệ, ít chú-ý đến thời-cục Ấn-độ, ít có cảm-tình với « Ông Gandhi », suốt đêm trường vật-vã với trăm nghìn nỗi tức giận.

Cố đợi đến sáng.

Thì 7 giờ sáng, phố xá đã yên lặng, ông Gandhi đã biến mất rồi. Muốn cho hả mối giận hai người thuê trang-sự kiện bà chủ nhà là Mme de Pruines, bắt đền cho mỗi người 500 quan về một đêm mất ngủ.



Khóa ông Gandhi lại đã vậy, nhưng cuộc tương-lai sẽ ra sao?

Hội-nghị Bàn-tròn lần thứ hai gặp bao nhiêu nỗi khó khăn. Ông Gandhi đứng dạy cảm ơn thủ-tướng Mac-Donald đã có lòng sốt-sắng điều đình cho hội-nghị có kết quả tốt; nhưng...

—«Nhưng từ nay Anh với Ấn mỗi đằng đi một nẻo!»

Câu nói ấy đủ thâu được hết tinh-thần kỳ hội-nghị này.

Thấy trong chính-giới Anh đa số là bọn bảo-thủ cầm quyền, ta đã có thể đoán trước được thời cục Ấn-độ sẽ có ngày nay. Việc như kia, tất kết quả phải thế.

Giá ông Mac Donald chịu hết sức điều đình với các ông tổng-trưởng, giá ông hứa hẳn một lời rành mạch để người Ấn-độ tin rằng trong một thời-kỳ không lâu, nước Ấn sẽ được tự-trị, để đợi ngày được hoàn-toàn độc-lập, thì có lẽ cũng yên được lòng người, mà ông Gandhi có khuyên dân cố đợi chờ, cũng không sợ mang tiếng phản quốc và đổi thay chí-hướng.

Nhưng trái hẳn thế, người Anh vội giải tán Hội-nghị. Các đại-biểu Ấn trở về, vẫn hai bàn tay trắng, chỉ được một lời hứa sẽ có một Uỷ-ban Anh Ấn đến tận nơi điều tra! Kết quả của chính-sách thẳng tay ấy đã thấy ngay trước mắt. Dã thành Luân-đôn, ông Gandhi vừa trở gót, thì bên châu Á, bắt đầu từ thành Punjab, cuộc biến loạn nổi lên rầm rầm. Thẳng tay, phó-vương lord Willingdon xách cổ các lãnh tụ Hồi-giáo và ông Hội-trưởng Hội-nghị Quốc-gia bỏ ngục.

Đến trong phái Hồi-giáo, tình hình cũng có vẻ nghiêm-trọng. Khác hẳn trước, nhà lãnh tụ Agha Khan bấy lâu vẫn được người ta tôn-sùng, bây giờ khuyên dân nên ôn-hòa, nên thận-trọng, họ không nghe nữa.

Rồi ông Gandhi về nước. Rồi biến loạn, rối xung đột, rồi bạo động, tình-thế rối beng...

Giá lúc ấy phó-vương hội-kiến ngay với nhà lãnh-tụ đảng Quốc-gia thì «biết đâu» chẳng dàn xếp được ổn, hay ít ra cũng có thì giờ để dàn xếp dần dần.

Chúng tôi nói « biết đâu » là vì trước tình-thế nghiêm trọng nhường ấy, vị tất ông Gandhi đã có thể ngăn cản nổi cái phong trào chính ông đã gây nên. Quần chúng phần nhiều là hạng người vô học, ngu muội, mà phong-trào kia hình như lại gây nên bởi sự mê tín, chứ không phải bởi một chủ nghĩa, một tôn giáo, cho nên sự giẹp yên lòng phẫn-uất của dân chúng càng thấy khó khăn.

Tuy vậy mặc dầu, cuộc hội-kiến kia cũng không có. Ông Gandhi lại vào ngục! ông Sardar Vallabhai Patel, chủ-tịch Hội-nghị Quốc-gia cũng theo gót ông! Các ông bị cáo là đã phạm tội ra lệnh cho ban hành-chính trong Quốc-hội thi hành phương-pháp bất tuân thượng lệnh.

Trong bức thư trả lời rất có thể-diện gửi cho phó-vương mấy giờ trước lúc bị bắt, ông Gandhi cãi không hề ra lệnh cho ai hay dọa nạt ai bao giờ. Ông nói:

«Tôi chỉ bày tỏ ý-kiến riêng của tôi đối với thời-cục, mà sự đó là ở trong quyền-hạn của tôi.»

Nhưng, các điều yêu-cầu của ông có làm quan ngại gì cho giá-trị phó-vương không, hay các điều yêu-cầu của phó-vương có làm quan ngại gì cho giá-trị ông không, thiết tưởng ta cũng chẳng cần phải xét. Ta hãy



Hội-nghị bàn tròn, họp các lãnh-tụ Anh Ấn. Từ dưới lên, người ngồi ghế thứ 7, nhác trông đã biết ông Gandhi, bên cạnh ông là nhà nữ-thi-sĩ Naidu, cách hai ghế nữa, thủ-tướng Mac Donald khoanh đứng. Ch. A. N.

thử xét xem chính-sách của lord Willingdon sẽ kết quả ra sao.

Những kết quả ấy chắc là phải quan trọng, to tát lắm! Hiện nay ta đã thấy dục dịch rồi đó. Chính-phủ thắng cánh, vị tất Hội-nghị đã chịu khoanh tay. Trái lại, bắt lãnh-tụ hạ ngục, chỉ làm cho dân thêm lòng oán giận. Rồi sẽ thấy phong-trào «bất tuân thượng lệnh» thêm lớn, cuộc phản kháng, cuộc bạo động ngày một lan to. Rồi bên kia, các quan chức Anh cũng bắt buộc phải theo đuổi cái chính-sách nghiêm khắc. Bấy giờ Hội-nghị Quốc-gia bị giải tán rồi, các tay lãnh-tụ bị nhốt rồi, các ông thuộc phái «thắng cánh» tấm tắc khen ngợi lẫn nhau, nhưng liệu có ai nghĩ đến cuộc tương-lai nó sẽ ra sao? Tương lai đây, trong Hội-nghị Bàn-tròn ở Luân-đôn chắc sẽ không thấy mặt người Ấn nữa. Phải Quốc-gia cố nhiên là không có ai trong đó rồi; cho đến những một người Ấn thuộc phái tự-do, bấy lâu vẫn cố nhịn mà bây giờ không nhịn được nữa, tất cũng coi cuộc hội-nghị đó là một trò chơi. Vậy còn ai cao-hứng gì mà mong chiếm lấy một ghế trong Hội-nghị nữa ?

Lại «một đám cưới không có dàu»!

Còn việc điều tra về tình hình tài chính, vấn đề bảo-cử ở Ấn và trăm nghìn vấn đề khác chưa giải quyết được sau ngày hội nghị Saint James? Khó lắm! Các tay đại-biểu Anh có sang chăng nữa, Uỷ-ban «quý báu» vị tất đã thành lập. Người Ấn-độ, bất cứ thuộc phái nào, bất cứ theo đạo nào, ai ai cũng khủng-khỉnh chán-chường, không có ý sốt sắng mong mỏi gì ở Uỷ-ban ấy hết.

Trong vòng cát bụi, rật đầu vá gối, rút lại đâu cũng hoàn đấy mà thôi!

Ông Gandhi lắc đầu....

...Tương liên, nhìn thời cục Ấn-độ, ta cũng phải chép lưỡi... cái gương nhân sự chiền-chiền!

Đinh-Huy-Hạo



Trung-Nhật xung-đột

Đưa chiến-hạm vào thẳng mãi đến Thượng-hải, sinh sự đánh nhau với người Trung-quốc, bắt viên-chức Tàu phải nghiêm-cấm các hội kháng-Nhật, rồi chĩa súng vào bắn... Đó, người Nhật bảo-hộ kiều-dân!

Cuộc xung-đột ngày thêm to, đôi bên cùng có người chết.

Quân khí Tàu ai ngăn cho được, tướng sĩ hăng-hái xin đem máu pha với nước sông Hoàng-phố để giữa hòn nước non.

Hội-nghị giảng-hòa nay họp mai họp, nhưng làm gì có kết quả. Nhật bắn lên các đồn lũy của Tàu. Tức đây cồ, quân Tàu bắn lại. Hai bên bắn nhau. Quân Nhật tiến đánh, đóng quân khắp dẻo sông, suốt dãy Hạp-bắc, Ngô-tùng.... Suốt ngày đêm, súng reo, bom nổ... Bao nhiêu chiến-hạm Nhật chở lính, khí giới và tầu bay sang. Tầu hỏa Nam-kinh luôn luôn đưa quân đội xuống. Mấy vạn người Tàu bỏ Thượng-hải đi lánh nạn. Năm chiếc tầu Nhật trở kiều-dân về. Chính-phủ Nam-kinh dời về Lạc-dương. Các tô-giới thiết quân-luật. Các nhà máy ở Thượng-hải đóng cửa, vài ngàn thợ không có việc làm.

Đã ba tuần lễ nay, Ngô-tùng, Hạp-bắc thành nơi chiến địa. Mở tờ báo, nay thấy vài trận đại-chiến, mai thấy mấy trận huyết-chiến, hôm sau nữa thấy trận ác-chiến. Thường thường, suốt ngày đêm, súng đại bác bắn nhau không ngớt. Trên mặt trận-địa, tầu bay bay như đàn ong. Nhật liều chết tiến, Tàu cố sức giữ, cái gan liều chết lại có phần hơn. Sau ba ngày đánh rát, hôm 6 Février, Nhật chiếm được Ngô-Tùng, nhưng lại bị ba mặt Tàu đánh rồn vào, không dàn được trận-thế. Hôm mồng 7, đội quân thứ mười của Tưởng-giới-Thạch huấn-luyện, rút lưỡi lê tiến đánh lấy lại được Ngô-tùng, bắt được 643 tù binh, 37 cái súng cối say và vô số khí-giới. Hiện nay, súng đại-bác đều trôn dưới hầm, đạn Nhật bắn vào vô-ích, đồn Ngô-tùng kiên-cố lắm.

Đêm hôm mồng 7, giời xuống tuyết nhiều, hai bên đánh nhau giáp lá cà, thây chết đầy đồng. Hôm sau, 8 giờ sáng, Nhật quanh đường Dương-gia đánh lên phía bắc Ngô-tùng, bị đại bác bắn rát, phải lui một dặm. Trưa hôm ấy, quân Tàu mai phục giết được 700 quân Nhật ở Bảo-hưng. 2 giờ chiều, hai bên đánh nhau dữ dội ở Bảo-tự.

Cũng hôm ấy, ở con đường Hạp-bắc, Ngô-tùng đánh nhau ghê gớm quá, ngay hồi Âu-chiến vị tất đã có trận nào hơn. Tàu giết được 2000 quân Nhật, bắn rơi một máy bay, phá được 4 xe thiết-giáp, 40 xe quân ứng viện Nhật bị đổ xuống chiến-hào.

2 giờ sáng hôm 10 Février, 1000 quân Nhật ngầm qua sông Phố-giang lẻn úp hậu phương Tàu. Quân Tàu lùi 10 dặm, ngầm sai công-binh chăng dây sắt chặn đường, rồi đổ quân phục ra đánh, quân Nhật chết sạch.

Lại 2 giờ sáng hôm 13, Nhật bắn khói mù rồi dùng cầu phao, ngầm kéo quân sang, chẳng may mới sang được một nửa thì bị quân Tàu biết, sông lại đánh rát, 200 quân Nhật bị giết chết và chết đuối. 10 giờ, viện binh Nhật kéo đến, Tàu phải lùi, đến 12 giờ có quân cứu đến, Tàu lại tiến, đánh thẳng vào bộ tư-lệnh quân Nhật, giết hết nhân-viên, cướp được nhiều địa-đồ và sổ-sách.

Tin quân Nhật thua là thực lắm rồi không còn hồ-nghi gì nữa. Theo điện tin, trận ngày 10 quân Nhật do đoàn ô-tô thiết-giáp đi tiên-phong, tiến đánh Hạp-bắc, bị thua to, 40 chiếc xe bị bắt. Chiều có tiến hai lần nữa, đều bị đánh lùi. Đoàn máy bay cũng bị phi-lôi bắn dữ phải chạy (Phi-lôi là thứ binh-khí Tàu mới nghĩ ra để bắn máy bay mạnh hơn đại-bác).

Lại sáng ngày hôm 15, Nhật năm sáu lần tiến đánh, năm sáu lần bị

lùi, quân chết hại vô số. Suốt đêm đến sáng, viện quân Nhật kéo đến hàng vạn người, bị quân Tàu dùng lựu-đạn cứ hai bên sườn quân Nhật mà bắn. Sau đội đại-pháo ở Nam-kinh đến giúp sức, vây chặt được cả một vạn quân Nhật vào vòng. Nhật đem thứ đại-bác nặng bắn vào hậu quân Tàu như vũ như bão mà không phá được vòng vây. Hồi 8 giờ, Tàu giải 1300 tù binh Nhật về Thượng-hải.

Thời thế tạo anh-hùng, trong cuộc không-chiến lại nảy ra mấy tay thiếu niên anh-tuấn: Hoàng-dục-Toàn, — Gaynemer trong trận Trung, Nhật — mới 25 tuổi, sinh ở Mỹ, chuyên nghề hàng không, mới về nước cưới vợ được một tháng thì đi tòng chinh, một tay đã hạ được lắm tầu bay Nhật, hôm mới rồi bị bắn ngã tử trận; Đinh-tử-Kỳ, lấy vợ Đức, lúc sắp trèo lên chim sắt, di chúc cho vợ nếu mình chết thì vợ đem con sang Đức cho học đến thành tài — thành tài rồi về hiến thân cho tổ-quốc.

Quân Nhật thua? Phải, chẳng thua sao được? Dân-khí Trung-Hoa đến thế!

Đoàn thiết-huyết quân Nghĩa-dũng-toàn học-sinh, do Ông-Đẳng-Huy thủ lĩnh, đã kéo đến Ngô-Tùng. Hoa-kiều các nơi về Quảng-châu lập thành đội Hoa-kiều Nghĩa-dũng. Hoa-kiều ở Gia-nã-đại gửi về 15.000 đồng giúp vào binh phí, Hoa-kiều ở Mỹ trích 250 vạn đồng mua 50 máy bay gửi về. Ở Quảng-đông riêng Trần-tế-Đường đã gửi được 500 vạn đồng để giúp đội quân 19.

Đội quân 19 này do Tưởng-quang-Nại, Thái-đình-Khải, Đái-Kích chỉ huy, đã bao phen làm vang chiến-địa, đánh quân Nhật thua liểng-siểng, kích-thích được lòng ái-quốc của toàn-thể dân Tàu.

— Liệt-cường đổ tội cho Nhật, có biết đâu Tàu chỉ là một miếng đất có tên trong địa-đồ thế-giới đó thôi.

Nhật có ý chê Tàu không sai khiến được quân sĩ. Tống-tử-Văn phản-kháng kịch-liệt: «Tất cả nước Tàu đều nhiệt-thành trợ-lực đạo quân 19, không phải đội quân ấy tự tiện sô ra chiến-trường!»

Quân Tàu được! Thái, Tưởng Đái mỉm cười: «Vì nước liều mình coi như đã chết rồi vậy, quyết đánh đến đạn hết người chết thì khó gì chẳng thành công».

Thị-trưởng Ngô-thái-Thành lại cười mát hơn: «Vạn-quốc nên can-thiệp vào, bắt Nhật tìm quân biết bắn hãy cho mó vào đại-bác, kẻo đạn cứ tương vào tô-giới liệt-quốc, pháo-binh lại kêu: ấy chết, bắn nhầm!»



Ảnh Trương-tôn-Xương

Trương-tôn-Xương trước vẫn ở Nhật, có tin Nhật muốn lợi-dụng Trương, cho làm Hoàng-đế Mãn-châu. Bà mẹ Trương viết thư gọi con về, nói nếu Trương để Nhật lợi-dụng bà sẽ tự-tử. Hiện Trương đã về ở cố-quốc dự-định đánh Nhật. 30 người vợ cũ của Trương đương lục-đục về ở với chồng. Cl. A. N.

Đã hai lần, Nhật hạ tối-hậu-thư, bắt Tàu phải lùi quá 20 dặm, phải triệt hạ các pháo đài, và nhiều việc vô lý nữa; lúc ấy, Nhật sẽ rút vào giữa khoảng Thượng-hải và Ngô-tùng, nhưng... nhưng vẫn chiếm giữ Hồng-khẩu ngoài tô-giới công-cộng.

Vô-lý! Ngô-thái-Thành chẳng nhận điều khoản nào cả: Tàu sẽ đủ sức cự chiến với Nhật mãi, nếu Nhật muốn sự trinh-chiến, nhưng trách-nhiệm tuyệt nhiên không thể đổ được cho Tàu.

Điện tiết, Nhật bắt đầu tổng công-kích. Tàu cự chiến thật rát. Bên «liều mình vì nước» vẫn chiếm thế hơn.

. . . . . .

Từ ngày mới sảy ra cuộc xung đột, chiến-hạm Anh, Mỹ, Pháp, Bồ-đào đã kéo đến Thượng-hải để bảo-hộ kiều-dân. Mỹ hợp-lực cùng Anh phản-kháng Nhật, và bắt Nhật bồi thường các sự thiệt hại trong tô-giới và trong giáo đường, Nhật nằn nì xin khéo.

. . . . . .

Giữa lúc ấy, bên phía trời tây, hội Quốc-tế liên-minh vẫn ung-dung làm việc. Hội-đồng họp rồi lại họp, Nhan-huệ-Khanh trổ tài vặn lý Nhật, Ý-Đẳng hết sức cãi đến cái lý cuối cùng, cả từ sự gồm nuốt Mãn-châu, Nhật cũng không chịu trách-nhiệm, vì Mãn vẫn là nước Mãn. Ông Hội-trưởng Paul Boncour gắt, Nhật vùng-vằng có ý: ra hội thì ra!

Cuộc thiệt-chiến tuy kịch-liệt mà không có kết-quả gì.

Hội-đồng còn đương hỏi ý-kiến các nhà chính-khách.

. . . . . .

Ở phía bắc, ngày 19 Février, Chính-phủ Mãn Mông làm lễ tuyên-bố độc-lập tại Phụng-thiên. Phổ-Nghi được cử làm chủ-tịch ban Hành-chính. Tang-thừa-Nghị chủ-tịch Phụng-thiên, khi trước đã nhịn đói đến 5 ngày quyết chết vì nước, bị quân Nhật đưa về Đại-liên dỗ khéo, lại ra nhận chức Thủ-tướng.

Nghe đâu, Chính-phủ Nam-kinh sắp cất quân lên đạp đổ Chính-phủ Mông Mãn. 81 đoàn-thể dân chúng xin Ngô-thiết-Thành đứng đầu để lên lấy lại ba tỉnh miền đông, Ngô nhường muốn chiều ý từ chức.

Còn Mã-chiếm-Sơn? Đã lâu thấy bặt hẳn tin-tức. Mới đây có tin Mã đã nhận lời yêu-cầu của Nhật và đã nhận chức Tổng-tư-lệnh Hắc-long-giang. Một tờ báo Tàu lại nói: Mã đã khôi-phục được tỉnh Hắc-long-giang, vẫn giữ một lòng trung với nước. Mới đây một đội nữ-binh toàn nữ-học-sinh ngót trăm người đến yết-kiến Mã xin đi tiên-phong.

THỜI-SỰ

TIN CHÍNH-TRỊ

Vinh. — Mới rồi viên Bang-tá Đặng-sơn thuộc phủ Anh-sơn, đem lính đến vây bắt Cửu-Tựu một yếu-nhân trong Hội-kín vẫn bị truy-nã. Bắt được Cửu-tựu, viên Bang-Tá lại khám phá được một tổ Hội-kín ở khu rừng thuộc xã Tân-giang. Các đảng-viên Hội-kín chạy tản vào rừng cả, chỉ để lại cho lính ít giấy-má và lương-thực

Saigon. — 42 tội-nhân bị kết tội đồ và khổ-sai mới bị giải xuống tầu «Doumer» để ra Côn-đảo.

ĐẤT KÊU ẦM Ỹ

Quảng-bình. — Làng Hòa-ninh, phủ Quảng-Trạch, có một đám đất hoang độ hai sào liền bờ sông. Hôm mới rồi, bỗng có tiếng thở từ trong các lỗ nẻ nho-nhỏ phì ra, ầm-ỹ như tiếng tầu bay vậy.

Sự này chưa từng có bao giờ nên nhân dân cho là một điềm lạ.

TỪ CÔN-LÔN VƯỢT BỂ ĐI TRỐN

Saigon. — Ở vịnh Xiêm-La, người ta bắt được hai người Việt-Nam nằm trên bè thả chôi giữa biển. Xét ra là tù Côn-lôn đi trốn.

Đồng thời sở cảnh sát Xiêm lại giao sang sở cảnh-sát Saigon 19 người Việt-Nam nữa đều là tù vượt ngục ở Côn-lôn.

Vì ông Bửu-đình thiện về khoa này nên có lắm người hỏi: « không biết trong số 21 người ấy có ông Bửu-đình không ? »

TIN ĐỨC BẢO-ĐẠI

Huế. — Trong bức thư gửi về chúc niên Thái-Hậu, đức Bảo-Đại nói cuối năm nay vị tất ngài đã hồi loan. Hiện ngài đương tòng học tại trường Đại-học Chính-trị và ở đấy ra, ngài còn đi thăm tất cả các kinh-đô lớn ở Âu-châu.

Liệt-cường lại được một phen chú ý đến đám người trên giải đất Việt ! . . .

GIẢ LÀM QUAN MỘT

Saigon. — Albert Jeandot Ng.-v.-Mười, một gã thiếu-niên 17 tuổi, trên ngực đeo chín cái mề-đay, tự xưng là thiếu-úy và phi-công của Chính-phủ Đông-dương đi lục-tỉnh gắn mề-đay và thưởng huyện-hàm cho nhiều người, mới đây bị sở Mật-thám tóm được. Lúc khám nhà, người ta lại lục được đủ các vật dùng để làm mề đay, văn bằng có mạo chữ ký quan Giám-quốc, vua Bảo-Đại, quan Toàn-quyền, vua Cao-mên và các thứ mề đay giả.

Cách lường gạt ấy tưởng là mới mà cũng không mới. Cái nhục «hiếu hư-danh» chưa gột sạch, ấn «buôn lọng» sẩy ra còn nhiều . . . .

ẤN-ĐỘ

Cuộc biến-loạn

Tình-hình vẫn có vẻ nghiêm-trọng. Tại miền Janmu mới rồi, dân Hồi đánh đội lính đi tuần, bị lính bắn lại, 7 người chết. Cô nữ-học-sinh lớn mật Birna Deva hôm trước bắn năm phát súng lục toan hành-thích quan Toàn-quyền xứ Bengale bị tòa kết án có 4 năm tù thôi.



M. Tardieu Cl. A. N.

PHÁP

Tình-hình Nội-các

Hôm 16 Février, nội các Laval họp kỳ hội-đồng cuối cùng. 5 giờ rưỡi chiều, toàn-thể nộp đơn xin từ-chức.

Sau khi hỏi ý-kiến các chính khách quan Giám-Quốc uỷ việc tổ-chức nội-các mới cho ông Painlevé.

Suốt ngày hôm 19 đến 3 giờ sáng hôm 20, ông Painlevé hết sức điều đình. Ông làm thủ-tướng, kiêm nội-vụ; ông Chautemps Hình-bộ; ông Boncour, ngoại-giao; ông Martin tài chính; ông Sarraut, thuộc địa; ông Steeg, bộ học, v. v. . . Đảng cấp tiến xã-hội tỏ ra thái-độ tán-thành, nhưng đảng ông Marin, cộng hòa dân chính liên hiệp, gây chuyện rắc rối. Tại Nội-các Painlevé có ý thiên về tả đảng nên sự rắc rối thêm to, 3 giờ sáng, ông Painlevé tuyên bố thôi không đứng lập nội-các nữa

Quan Giám-quốc cầu đến ông Tardieu.

6 giờ rưỡi tối ông Tardieu về bộ Binh, quá nửa đêm, Nội-các Tardieu thành lập:

Thủ-tướng kiêm ngoại-giao: M. Tardieu (cộng-hòa tả đảng); Hình-bộ kiêm kiểm-soát các việc hành-chính: M. Reynaud (liên-hiệp dân-chủ và xã-hội); Nội-vụ: M. Mahieu (tả-đảng cấp tiến); Tài-chính: M. Flandin (cộng-hòa tả-đảng); Quốc-phòng: M. Piétri (cộng-hòa tả-đảng); Học-chính: MM. Roustan (cộng-hòa xã-hội); Trợ-cấp: M. Champetier de Ribes (dân-chủ); Lao-động: M. Laval (đảng độc-lập); Y-chính: M. Blaisot (liên-hiệp cộng-hòa dân-chủ); Công-tác kiêm giao-thông và thương-thuyền: M. Guernier (tả-đảng cấp-tiến); Canh-nông: M. Chauveau (cộng-hòa tả-đảng); Thương-mại kiêm bưu-điện: M. Louis Rollin (cộng-hòa tả-đảng); Thuộc-địa: M. de Chapedelaine (tả-đảng cấp-tiến).

Nội-các này rút bớt hơn Nội-các trước 7 vị, lại đặt thêm bộ Quốc-phòng, chức phó-thủ-tướng và ty kiểm-sát các việc hành-chính.

Ngay đêm hôm ấy, ông Tardieu đưa các quan Tổng-trưởng vào yết-kiến quan giám-quốc Doumer.

Thứ ba mới rồi, tòa Nội-các đã yết-kiến hai nghị-viện, và đã tuyên-bố trương-trình làm việc.

Dạy pháp-luật cho dân cũng là cách trừ nạn hối-lộ.

(Tiếp-theo)

Nói về tòa Đệ-tam-cấp

Tòa Đệ-tam-cấp là tòa kháng-tố ở Hanoi

Công việc tòa Đệ-tam-cấp

1. — Xét-xử những việc kháng-cáo án sơ-thẩm của các tòa Đệ-nhị-cấp (án sơ-thẩm là án mà người đi thưa và người bị kiện được phép xin gửi lên cho tòa Đệ-tam-cấp xét lại).

2. — Xét-xử những việc xin thủ tiêu (bãi bỏ) án chung-thẩm của các tòa Sơ-cấp và Đệ-nhị-cấp (án chung-thẩm là án mà người ta không có quyền xin kháng-cáo).

3. — Xét-xử những việc xin xử lại, chiếu theo thể-lệ đã định trong luật hình-sự tố-tụng.

4. — Xét-xử những việc phán-định thẩm quyền (khi hai tòa án cùng xử một việc, thì tòa Đệ-tam-cấp xét xem tòa nào là thực có quyền xử)

Nói về quyền quản-hạt của các tòa án

1. — *Thuộc về việc hình.* — Tòa án có quyền xét-xử là tòa án nơi đã xảy ra việc. Thí dụ như: một người đi đường, qua hạt Hà-đông, bị quân gian bóc lột và đánh bị thương thì tòa Hà-đông sẽ có quyền xử việc ấy.

Chỉ trừ khi nào kẻ phạm tội là một viên-chức một tòa án thì việc sẽ đem ra trước tòa Đệ-tam-cấp Hanoi.

2. — *Thuộc về dân-sự và thương sự.*

a) Vật bị kiện là bất-động-sản thì tòa án sở-tại chỗ bất-động-sản ấy có quyền xử.

Nếu có nhiều bất-động-sản ở rải rắc ra không cùng một quản-hạt thì người đi thưa được chọn.

b) Vật bị kiện là động-sản hay là tiền bạc thì quyền xét xử thuộc về quyền tòa án sở-tại chỗ trú-quán người bị kiện (trú-quán là nơi ở chính).

Hai bên cũng có thể đồng-ý với nhau đem việc kiện thưa ở tòa nào cũng được, hoặc đem việc kiện của mình ra thưa ở tòa Sơ-cấp sở-tại chỗ đã giao-ước với nhau mà sự giao-ước chưa quá 30 ngày và giá ngạch không quá thẩm-quyền của tòa Sơ-cấp.

c) Vật bị kiện vừa động-sản vừa bất-động-sản thì quyền xét-xử thuộc về tòa Sơ-cấp chỗ trú-quán người bị kiện hay là chỗ có bất-động-sản, tùy người đi thưa được chọn.

d) Kiện về việc thừa-kế (hưởng gia-tài người chết để lại) thì quyền xét-xử thuộc về tòa án chỗ phát-sinh ra việc thừa-kế.

e) Khi nào người đương-sự chọn một chỗ trú-quán tạm, để thi-hành những việc trong văn-thư, khế-ước thì quyền xét-xử thuộc về tòa án sở-tại chỗ trú-quán tạm ấy.

Khi người nguyên-cáo hay người bị-cáo lại chính là quan Thẩm-phán sơ-cấp.

Phàm việc kiện dân-sự, thương-sự thuộc về thẩm-quyền tòa Sơ-cấp, mà người nguyên-cáo hay người bị-cáo lại chính là quan Thẩm phán sơ-cấp thì cứ đem việc kiện thưa ở tòa án tỉnh Đệ-nhị-cấp.

Khi kẻ phạm-tội là một quan Thẩm-phán, Bồi-thẩm, Trợ-thẩm An-nam. — Viên-chức nào can tội nặng hay tội nhẹ thì sẽ do quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hanoï tự điều-tra lấy hay là phái một quan tá-lý điều-tra, và chuyển trình bút-lục cho quan Nam-án thủ-hiến, để quyết-định có nên hay không nên truy-tố. Rồi viên-chức can tội sẽ phải đòi ra trước tòa Đệ-tam-cấp.

Đơn kiện các quan phạm tội thì nên gửi thẳng lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hanoï.

Đơn khởi kiện

Cách làm đơn khởi kiện. — Người nguyên-cáo phải kể rõ trong đơn: tên tuổi nghề-nghiệp, làng, chỗ ở chính xin thế nào, duyên-cớ thế nào, kết luận thế nào. Phải kể cả các hạng giấy má đính theo và biên cả họ tên, nơi ở của người bị cáo. Trong đơn người nguyên-cáo sẽ ký tên. Người nào không biết ký thì điểm-chỉ, rồi lý-trưởng ký tên và đóng triện ở sau đơn để nhận thực. Nếu người nguyên-cáo không ký tên thì người viết đơn phải ký tên và chỗ ở chính của mình vào. Đơn đã làm hợp thức rồi thì đem nộp, hoặc gửi nhà giây thép cho quan Thẩm-phán sơ-cấp ở địa-hạt mình,

Lệ hòa-giải ở trước quan Thẩm-phán sơ-cấp

Quan tòa Sơ-cấp khi nhận được đơn kiện đúng thể-lệ thì phê duyệt và đăng-ký vào quyển sổ dùng về việc ấy, rồi định ngày cho hai bên đến hầu để thử hòa-giải.

Các người đương-sự đợi khi nào có giấy gọi sẽ đến.

Trước Quan-tòa hòa-giải, hai bên phải thân-hành đến nghe,

Bận việc không đi được thì có thể giao quyền cho một người thân thuộc từ hàng chú bác hoặc hàng con cháu giở lại, để thay mặt. Giấy giao-quyền phải có lý-trưởng nhận-thực. Trước khi giao-quyền cho một người, phải có giấy xin phép Quan-tòa.

(1) Xem kỳ báo số 27.

Kháng-cáo tại tòa Đệ-tam-cấp

Phàm những án của tòa Đệ-nhị-cấp chiếu điều thứ 13 luật Pháp-viện Biên-chế (luật nói về cách tổ-chức các tòa án) mà xử sơ-thẩm thì đều được kháng-cáo.

Các sự kháng-cáo ấy chỉ có tòa Đệ-tam-cấp tức là phòng thứ nhì tòa Thượng-thẩm Hanoi được xét-xử mà thôi.

Muốn kháng-cáo phải làm thế nào? Phải khai miệng hoặc khai giấy với quan Chánh-án tòa đã xử việc của mình. Nếu nguyên-án không kể rõ rằng được chấp-hành tạm, thì sự chấp-hành sẽ phải hoãn vì đã có kháng-cáo.

Hạn kháng-cáo là bao nhiêu ngày? Hạn kháng cáo là 15 ngày. Cách tính như sau này:

Thuộc về án đương-tịch cả hai bên đều có mặt, thì kể bắt đầu từ ngày kết án.

Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án vắng mặt hai bên thì bắt đầu kể từ ngày nhận được tin kết án.

Thuộc về án khuyết-tịch xử đối với một người hay nhiều người bị cáo vắng mặt, thì kể từ ngày hết hạn kháng-cáo.

Việc đòi gọi ra trước tòa Đệ-tam-cấp. — Cách thức cũng giống như việc đòi gọi ra trước tòa Đệ-nhi-cấp.

Từ ngày giao giấy đòi cho đến ngày phiên tòa phải cách nhau 15 ngày.

Những việc phụ vào việc kiện chính.

I. — Phương-pháp bảo-thủ

Trong khi đương có kiện-chính, nếu một bên đương-sự sợ rằng những thóc lúa đã thu hay chưa thu, của đất bị-kiện bị thất-lạc thì bên đương sự ấy có thể xin tòa sức giao cho một người nào không có can-thiệp đến việc kiện, hoặc lý-dịch sở-tại coi giữ. Thóc lúa ấy có cần phải thu thì do người coi thu rồi giữ lấy, hoặc đem bán, được bao nhiêu tiền phải đem nộp tại phòng Lục-sự tòa-án. Tiền ấy sẽ giao lại cho người được kiện.

Cái đơn xin làm một việc phụ vào việc kiện chính, cũng phải làm theo như cách thức đã kể trong mục nói về đơn khởi-kiện.

II. — Tự mình xin thôi kiện

Người nguyên-cáo có thể khai với tòa án xin rút đơn, và tự xin thôi kiện. Lời khai ấy có thể do người xin thôi kiện hoặc chính mình đến, hoặc giao cho người thân thuộc thay mặt, ra khai miệng trước phiên tòa hay là làm giấy trình tòa.

Người xin thôi phải chịu tiền lộ-phí, và không được lại thưa kiện, hoặc kháng-cáo về cùng một mục-đích với việc kiện đã xin thôi.

III. - Tự ra can-thiệp

Trước tòa Sơ-cấp và Đệ-nhị-cấp một người tự xưng đối với việc kiện có lợi quyền gì có thể tự ra can-thiệp được,

Muốn ra can-thiệp phải làm đơn trình quan Thẩm-phán.

Người tự ra can-thiệp mà thua kiện thì phải chịu lệ-phí.

Lệ xin chống án cách riêng

Sự xin tiêu của người đệ-tam. —

Người nào vì một cái án thiệt hại đến quyền-lợi của mình hoặc quyền-lợi của người mình được chiếu luật thay mặt, thì mình hay là người ấy không dự vào việc kiện đã kết quả làm ra án ấy, nhưng cũng được dùng phương-pháp xin tiêu của người Đệ-tam mà xin tiêu án ấy.

Đơn xin tiêu án cũng làm theo cách thức đơn khởi kiện.

Cách thức chấp-hành

Quyền xử-trí về việc chấp-hành thuộc về tòa án đã kết nguyên án.

Bao nhiêu tài-sản của người mắc nợ, vô luận là động-sản hay là bất-động-sản, vật hữu-hình hay là vô-hình, đều cho là vật bảo chứng chung của các người chủ nợ.

Những vật-hạng mà chủ nợ không được phép bắt:

1°/ Y-phục của người mắc nợ đương mặc trong mình.

2°/ Khí-cụ của thợ thuyền để dùng về nghề thủ-công.

3°/ Vật-liệu của người mắc nợ cần cho mình và gia-quyến ăn dùng trong một tháng.

4°/ Chăn, giường, màn, gối của người mắc nợ và gia-quyến của người ấy dùng.

5°/ Tài-sản cùng đồ dùng để làm hương-hỏa phụng thờ và phần dưỡng lão của người mắc nợ.

Phàm người chủ nợ nào đã được một cái án xử người mắc nợ của mình, thì được xin chấp-hành án ấy, xin bắt của cải của người mắc nợ, và cưỡng-bách thân-thể người ấy, để bắt làm theo những điều người ấy đã cam-đoan.

Muốn chấp-hành, chủ nợ phải xin viên Lục-sự phát cho mình một bản toàn sao, hoặc một bản trích-lục cái án tòa đã xử — Rồi đem bản ấy giao cho viên thừa-phát-lại Annam (huissier indigène) đi báo cho người mắc nợ biết.

Nơi nào không có thừa-phát-lại, thì đã có lý-trưởng đứng làm việc chấp-hành.

Phát-mại-bất-động-sản. — Phàm người chủ nợ được một cái án hay là định-lệnh (lệnh của tòa án) khác trong có chữ «chuẩn cho chấp-hành», nếu đã xin bắt và bán các động-sản của người mắc nợ, nhưng vẫn chưa lấy đủ tiền vốn, tiền lãi và tiền lệ-phí, thì được xin bắt để bán cả bất-động-sản của người mắc nợ.

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

TẢN-ĐÀ QUỐC-VĂN ĐẶC BIỆT QUẢNG-CÁO

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ...

Vành lược bạc gẫy tan nhịp gõ,
Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi...

Một giải Châu-giang chảy ở tỉnh Hà-nam bên Tàu vốn là nơi sa-hoa phù-phiếm của bọn làng chơi. Khách qua chơi chẳng ai ai là không nhớ tới viện « Phù-Lưu » tức là một chiếc tầu nguy-nga tráng-lệ lênh-đênh ở giữa giải sông Châu. Trong tầu không thiếu gì các ả buôn phấn bán son cùng khách vương-tôn công-tử.

Một hôm, viện Phù-Lưu được tiếp một người học-sinh ở Hàng-châu về, tên là Trúc-sinh. Trúc-sinh sắp sửa tốt-nghiệp trường Đại học Hàng-châu nhân dịp nghỉ về chơi Châu-giang thăm qua viện Phù-Lưu gọi là tạm trải mùi đời...

Lúc đó đã cuối thu, tiết đã giá, làn nước sông Châu đã man-mác cánh hoa trôi cành lá rụng... Gió thu thổi lạnh lùng.

Con thuyền nhỏ của Trúc-sinh vừa ghé vào Phù-Lưu thì mấy ả mày ngài trên tầu đã nhô nhô ra kéo đẩy mời chào. Khói thuốc phiện, làn thuốc lá bay mịt mùng. Trúc-sinh ghê tởm muốn quay đi thì chợt một giải áo xanh phấp phới ở mạn tầu khiến cho Trúc-sinh phải để ý. Trúc-sinh chưa kịp bước tới thì bóng người đã lẩn đi đâu mất.

Trúc-sinh tự lấy làm lạ bèn hỏi ai mà e thẹn quá thế. Bọn mày ngài đáp: « Nàng đó là Thanh-nữ, mới tới đây nên chưa biết vồn vã mời chào các quí-khách ».

Trúc-sinh phì cười: « Ta có nghe nói vị Nữ-thần làm xương rơi buổi sớm cũng tên là Thanh-nữ, hay là nàng này chăng? Vậy xin mời Thanh-nữ ra cho ta được tiếp-kiến gọi là gặp chút duyên may ».

Hồi lâu... Lúc đó Trúc-sinh còn mải ngắm cánh hoa trôi tơi tả trên làn nước sông Châu. Giải áo xanh lại thấp thoáng bên cạnh Trúc-sinh. Chàng ngoảnh lại nhìn thấy một thiếu-nữ, người nhỏ nhắn, nét mặt cũng đăm đăm nhìn cánh hoa trôi tơi tả...

Cou mắt long lanh dưới vành lông mày lá liễu từ từ nhìn vào mắt Trúc-sinh. Trúc-sinh chưa kịp chào hỏi thì thiếu-nữ đã cất tiếng nhẹ nhàng chào: « Kính chào tiên-sanh » (lệ tục bên Tàu bất cứ ai cũng gọi là « sinh-sáng » tức là tiếng tiên sinh của ta).

Trúc-sinh cũng chào lại. Rồi hai người đứng đó hàng nửa giờ không nói thêm được câu gì. Trúc-sinh phần e-lệ phần ngạc nhiên, mà thiếu-nữ cũng e-lệ thẹn-thùng..... Hồi lâu, Trúc-sinh tự lấy làm ngượng đánh bạo ngỏ lời: « Chốn này tôi không thích đứng lâu. Xin mời cô nương xuống một chiếc thuyền riêng..., tôi mới có thể chuyện trò lâu la được ».

Thanh-nữ liền né mình nhường Trúc-sinh đi trước, rồi thong thả theo sau. Ra đến khoang, Thanh-nữ với tay vẫy một chiếc thuyền gần đấy rồi hai người bước xuống. Trúc-sinh vừa ngồi vào trong khoang đã thấy một ấm trà bầy sẵn, thiếu-nữ rót ra chén mời chàng, rồi đôi mắt lại đăm đăm nhìn xuống. Trúc-sinh muốn kiếm truyện nói mà không biết nói gì, chàng bèn ngó quanh ngó quẩn để tìm một vật gì đáng nói làm câu chuyện mở đầu. Chàng chợt thấy một đôi câu đối giấy đỏ dán trong khoang thuyền mà chỉ thấy có một vế, còn vế bên kia chưa ai đối. Chàng hỏi:

— Câu đối này của ai mà, thưa cô-nương, lại thiếu mất một vế.

Thanh-nữ nghiêng mình đáp:

— Thưa tiên-sanh, chiếc thuyền này là của tiện-nữ thì hẳn tiên-sanh cũng đoán ra câu đối đó là của ai.

Trúc-sinh cười:

— Cô-nương cho phép tôi làm nốt vế kia gọi là nối duyên văn-tự trong buổi sơ-đầu bỡ-ngỡ này, chắc cô-nương cũng dung cho cán bút của một kẻ học-sanh được bôi ba lấm-láp trên tờ giấy đỏ.

Thanh-nữ đưa mắt nhìn Trúc-sinh hồi lâu rồi thong thả trả lời:

— Còn gì hay bằng, tiện-nữ được xem đôi hàng châu ngọc của tiên-sanh thì còn gì hân-hạnh bằng. Sẵn bút nghiên xin tiên-sanh chỉ-giáo cho.

Trúc-sinh liền cầm quản bút viết.

Nguyên vế của Thanh-nữ ra:

Nguyệt chiếu liên-trì, Tố-nga hữu-ý khuynh quân-tử. (1)

Trúc-sinh đối lại:

Xương lâm tùng-bách, Thanh-nữ vô-tâm ngộ trượng-phu. (2)

Viết xong, Trúc-sinh quăng bút xuống, xin lỗi:

— Lời văn có giọng lả-lơi, xin phép cô-nương cho tôi xin lỗ vế đối này đi...

Thanh-nữ hé miệng cười ngăn lại:

— Khoan! Tiên-sanh dạy quá... Lỗi đó tại tiện-nữ, vì tiện-nữ ra đối không được nghiêm chỉnh để cho tiên-sanh phải bận lòng chỉ bảo. Huống chi, thưa tiên-sanh, bọn giang-hồ trôi nổi như tiện-nữ, lại được tiên-sanh cho vài lời châu ngọc...

— Dạ, cô-nương lại quá khen. Nét bút tả lòng...

— Vâng, thưa tiên-sanh, nét bút tả lòng chỉ có người tâm đầu biết được. Chẳng nói giấu gì tiên-sanh, trong tháng nay, từ ngày tiện-nữ ẩn náu ở chiếc thuyền này, khách vương-tôn không hôm nào là không tấp nập vào viện Phù-Lưu, song cũng trong tháng nay chưa có hề một ai thèm đái hoài bước tới chiếc thuyền mỏng manh của tiện-nữ; ngày nay, tiên-sanh hạ cố chơi đây, tiên-sanh lại chỉ-giáo cho thì tiện-nữ cũng hiểu được đôi phần « nét bút tả lòng » của tiên-sanh khác hẳn với các « nét bút tả lòng » của khách qua chơi

trong tháng trời nay. Tiên-sanh bất tất phải nói thêm, tiện-nữ cũng được đôi phần am-hiểu.

Rồi đôi mắt long-lanh dưới vành lòng mày lá liễu của thiếu-nữ lại đăm đăm nhìn vào mắt Trúc-sinh.

Mảnh trăng thu bập bềnh dưới đáy sông Châu, chiếc thuyền của Thanh-nữ ẩn vào một khóm trúc bên sông. Hạt xương rơi tơi-tả.

Trúc-sinh với cái đàn treo trong khoang thuyền đưa mời Thanh-nữ.

... Tiếng tỳ chợt lắng bên sông... Song, trong tiếng đàn, ta còn nghe thấy giọng ca âm-thầm của Thanh-nữ:

... Sông Châu ... Lệ sông Châu,
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Ôm mối sầu
(ta) ôm mối sầu.
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Cầu cơ cơ cầu... Hóa-nhi sao khéo cầu cơ cơ cầu?
Lòng... lòng đau,
(khiến chi) Lòng... lòng đau.
Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
Sầu gượng... gượng sầu... ngày nay sầu gượng gượng sầu,
Tuy đà gặp nhau,
(đà) tuy đà gặp nhau.
... Cành hoa tơi-tả đâu vì đâu?
... Sông châu... Lệ sông châu.

Q

Rằng xưa vốn là người kẻ chợ... Hàng-châu.

Phong cảnh Hàng-châu có cảnh Tây-hồ. Phong cảnh Tây-hồ có Tam-đàn ấn nguyệt, vài ba tảng đá trên làn nước bập bềnh.

Tây-hồ.

Làn nước Tây-hồ bập-bềnh trên tảng đá. Khóm trúc đượm hạt mưa xuân trước gió. Hạt xương rơi... tơi-tả.

Tây-hồ.

Mặc hạt xương rơi... tơi-tả, Trúc-sinh ngước mắt nhìn làn nước Tây-hồ đưa đẩy một chiếc thuyền... xa xa.

Tây-hồ.

Con thuyền xa như nhắc Trúc-sinh nhớ tới chiếc thuyền Thanh-nữ... chiếc thuyền Thanh-nữ ẩn trong khóm trúc bên bờ sông Châu.

Châu-giang.

Lìa Châu-giang được ba bốn tháng nay, Trúc-sinh không khỏi tưởng-tượng làn nước sông Châu đưa đẩy đóa hoa rơi... tơi-tả.

Châu-giang.

Làn nước sông Châu đưa-đẩy cánh hoa rơi... tơi tả. Một buổi thu tàn... con thuyền buộc chặt mối tình già... khóm trúc như tuôn giòng lệ cũ

Châu-giang.

Giòng lệ cũ tuôn rơi... đôi mắt Trúc-sinh còn đăm-đìa giòng lệ cũ. Bên tai Trúc-sinh còn nghe thấy tiếng đàn tỳ... lanh-lảnh.

Thanh-nữ.

Tiếng đàn tỳ của Thanh-nữ lanh lảnh còn bên tai. Làn nước sông Châu... giòng lệ sông Châu... đưa đẩy cảnh hoa rơi... tơi-tả.

—Trúc-sinh, cho em xin đóa hoa mai.

Lúc đó Trúc-sinh đang mân-mê cành hoa mai, đang nhìn dặng núi xa xa... mái lầu ai lẫn trong khóm tre già...

—Trúc-sinh, cho em xin đóa hoa mai.

Dưới khóm tre già, làn nước Tây-hồ cũng đang đưa đẩy cánh hoa đào.. tơi-tả. Dặng núi xương che... xương che, che khuất.

—Kìa, Trúc-sinh...

Chợt Trúc-sinh thấy có người vỗ mạnh vào vai mình, hoảng hồn..... nhìn lại...

Thanh-nữ!

Thanh-nữ từ sông Châu đến Tây hồ thăm Trúc-sinh. Thanh-nữ nắm chặt tay Trúc-sinh, vừa cười vừa nói:

—Gớm, anh gửi hồn mộng ở đâu thế? Người ta gọi mãi cũng không thèm ngảnh lại.

Trúc-sinh như người ngủ mê mới tỉnh, vừa ngạc-nhiên, vừa mừng rỡ chưa hiểu ra sao thì Thanh-nữ đã nói tiếp theo:

—Ở Hà-nam buồn quá, Phần nhớ anh nên em tìm tới đây. Hỏi nhà trọ, họ bảo anh ra đây, em lại ra đây tìm.

Trúc-sinh cầm cành hoa mai gài vào giải áo xanh của Thanh-nữ rồi ghé vào tai hỏi nhỏ:

—Em chán Châu-giang lắm rồi nhỉ?

Thanh-nữ ngồi xuống một tảng đá bên hồ, Trúc-sinh cũng ngồi sang một bên. Thanh-nữ cởi cành hoa mai ở giải áo ra cầm trong tay, mắt đăm-đăm nhìn mặt hồ sóng gợn. Nàng nói:

—Vâng, em chán Châu giang. Em chán Châu-giang từ hồi mới bước chân vào viện Phù-Lưu. Anh vẫn tưởng em sống nổi trong cái không khí sa hoa đó chăng? Không. Anh nhầm, thân Thanh-nữ tuy ở Phù-Lưu, song hồn Thanh-nữ không ở Phù-Lưu. Tâm hồn Thanh nữ cũng như tâm hồn anh lúc này, tâm hồn Thanh-nữ cũng gửi trên làn nước Tây-hồ gợn sóng... Quê hương của Thanh-nữ vốn ở đất Hàng-châu, mà tấm thân tàn của Thanh-nữ còn trôi nổi trên giong sông Châu.

Nói đến đây nàng cầm cái khăn tay chùi mấy giòng lệ đầm đìa trên má. Trúc-sinh muốn tìm lời khuyên giải, nàng gạt đi nói tiếp:

—Phải, làn nước Châu-giang đưa đẩy cánh hoa rơi... tơi tả. Mà làn sóng Tây hồ mai sau sẽ chôn chặt nắm xương tàn. Hàng-châu! Nơi phần mộ của cha của anh... (nàng nức nở khóc). Thanh nữ... em đã trải qua làn sóng Tây-hồ vì làn sóng Tây-hồ, anh ơi, đã vùi chặt nắm xương tàn của cha anh Thanh-nữ... làn sóng Tây-hồ lại sắp chôn chặt nắm xương tàn của Thanh-nữ.

...

Thầy em vốn người Hàng-châu. Cái lầu nguy nga tráng-lệ bên bờ Tây-hồ kia là của thầy em. Lúc thiếu thời thầy em có làm bạn với một người ca-nữ tài sắc tuyệt vời, thầy em làm cái lầu kia để cho người đó đắp đuổi tháng ngày.

Ăn ở được ba năm, người ca-nữ đó sinh được hai người con. Người con giai tức là anh em, còn người con gái tức là em đây

Lúc sinh em ra, thầy em đi xa, thầy em đi Hồ-nam. Trong năm sáu năm trời, em không biết mặt thầy em, lúc hỏi mẹ em, mẹ em chỉ cho em một người đàn ông chạc ngoài hai-mươi, làm nghề họa mà nói cho em biết đó là thầy em đấy. Em vẫn đinh-ninh là thế.

Năm ấy em lên sáu. Một hôm, thầy em ở Hồ-nam về. Thầy em về em không nhận... vì mẹ em không cho em biết. Thầy em cũng tự lấy làm lạ, hỏi mẹ em, thì mẹ em chỉ cười mà chả lời: ông đi vắng xa, cốn nó

không nhận được là phải, có gì là lạ.

Thầy em cũng biết thế. Một buổi chiều, thầy em và anh em đi chơi thuyền trên hồ ... rồi tối không về. Hai ba hôm sau cũng không về. Mãi sau người ta vớt được sác cha ... và anh Thanh-nữ ... người ta vớt được chiếc thuyền ... một chiếc thuyền thủng một lỗ ở đáy. Ai đục đáy thuyền?

Em còn nhỏ nên chưa hiểu ra sao. Mẹ em cho em mặc đồ tang-phục rồi, bắt em khóc... em cũng khóc. Mà thật ra lúc đó em chỉ biết em khóc anh em thôi, chứ em có biết gì cha em đâu.

... Năm em mười lăm. Mẹ em bắt em học đàn ... học cây đàn tỳ ... mẹ em dạy em học hát.

... Năm mười tám, mẹ em bán chiếc lầu kia đi, rồi đi đâu mất, để em bơ-vơ thân gái đất Hàng-châu. Rồi thì, cánh hoa trôi rạt đến viện Phù-Lưu...

Làn nước Châu-giang...cánh hoa trôi... tơi tả.»

Nói đến đây, cánh hoa mai mân-mê dưới ngón tay Thanh-nữ đã rã rời rơi rụng. Trúc-sinh ngẩng lên nhìn Thanh-nữ ... Đôi mắt long-lanh dưới vành lông mày lá liễu đăm đăm nhìn làn sóng Tây-hồ.

Làn sóng Tây-hồ đưa đẩy cánh hoa mai ... tơi tả.

Con thuyền buộc chặt mối tình già...

Một ngày kia, tỉnh Hà-nam bên con Châu-giang được xem một đám cưới linh-đình.

Hai năm qua. Trúc-sinh tốt-nghiệp ở trường đại-học Hàng-châu về. Hai năm qua. Trúc-sinh không gặp mặt Thanh-nữ. Sau khi gặp-gỡ ở Tây-hồ, cánh hoa trôi rụng không biết tơi-tả phương nào, Trúc-sinh cố công tìm kiếm cũng chưa thấy giải áo xanh của Thanh-nữ.

Ngày qua tháng lại, hình ảnh của Thanh-nữ cũng dần dần theo thời-gian mà chìm vào trong làn nước sông Châu lạnh-lẽo.

Trúc-sinh, một ngày kia, lấy vợ. Cho nên, hôm đó, tỉnh Hà-nam được xem một đám cưới linh-đình.

Mười một giờ đêm, bữa tiệc đang vui vẻ, khách khứa còn tấp-nập ra vào, thì bỗng có người ca-nữ xin vào ca đàn hầu các quan-khách. Trúc-sinh cho vào.

Bức màn châu vừa vén lên, một người thiếu-phụ che mặt bước vào, tay ôm cây đàn tỳ ... phất-phới giải áo xanh. Người ca-nữ đó rón-rén ngồi sang một bên, lên giây đàn.

... Tiếng tỳ khoan nhặt ... âm thầm, như khóc như than. Khách chau mày nhìn lại. Nàng cất tiếng ca lanh-lảnh ca rằng:

... Lệ sông Châu
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Ôm mối sầu,
(ta) ôm mối sầu
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Cầu cơ cơ cầu ... tạo nhi sao khéo cầu cơ cơ cầu
Lòng lòng đau
(Khiến chi) lòng ...lòng đau.
Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Sầu gượng sầu... ngày nay sầu gượng sầu,
Tuy đã gặp nhau
(đã) tuy đã gặp nhau ...
...Cánh hoa tơi tả đâu vì đâu ?
Sông châu ... Lệ sông châu

Tiếng ca như khóc như than, trong cuộc rượu nhiều người sa lụy.

Song « *lụy ai chan chứa hơn người* »? Khách bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở của nàng áo xanh. Nàng áo xanh đứng dậy bỏ vạt áo che mặt, bỏ rơi cây đàn. Cây đàn tỳ hãy còn âm-thầm kêu ầm-ĩ... mà giây đàn đã đứt ngang cung...

Thanh-nữ, nàng áo xanh từ từ bước ra, bức màn châu che lấp giải áo xanh ... phất-phới.

Dưới khóm trúc nặng chĩu hạt xương rơi tơi tả ... con thuyền năm xưa vừa lìa bến sông Châu. Mà bên bến sông Châu, Trúc-sinh chỉ còn trông thấy làn nước lạnh-lùng đưa đẩy cánh hoa rơi ..., tơi-tả.

Vũ-lang

---

(1) Giăng chiếu hồ sen. Tố-nga có ý mộ quân-tử;

(Giăng tức là Tố-nga, sen là thứ cây quân-tử).

(2) Sương reo tùng bách, Thanh-nữ vô-tình gặp trượng-phu.

(Sương tức là Thanh-nữ, tùng bách là thứ cây trượng-phu).

TẠI SAO CÁC NHÀ VĂN-SĨ SÍNH VIẾT VĂN ?

Trước đây ông Jean Bernard ở báo *Presse associee* có mở cuộc điều-tra vì sao các nhà văn-sĩ sính viết văn.

Ra bộ ngớ-ngẩn, ông Ajalbert trả lời rằng: « *Ấy tôi cũng vẫn tự hỏi thế* ».

— « *Tôi viết để cho mỗi ngày viết một khá hơn* », đó là câu trả lời của ông Max Jacob.

Ông Pierre Mille thủ-thực rằng: « *Bởi vì tôi không làm nổi một nghề gì khác hết, cho đến các nghề rất đê-mạt cũng vậy* ».

Chẳng hẹn mà nên, ông Eugène Monfort tự-nhận là: « *Tôi có cái óc văn-sĩ, từ lúc còn ở trong bụng mẹ* », còn bà Marcelle Tinayre thì bảo rằng: « *Đó là do cái thiên-tư tôi, tôi viết văn cũng như cây táo mang những quả táo, chứ có lạ gì.* »

Riêng có một cái lý-do đặc-biệt, ông Gauthier Villars trả lời rằng: « *Tôi viết để tỏ cho mấy bạn đồng-nghiệp cả hai giống biết rằng: tuy họ muốn trông thấy tôi bị chôn đi, mà tôi vẫn còn sờ sờ ở đây* ».

Nhân câu trả lời của ông này, tôi lại nghĩ đến một truyện tương-tự. Hồi năm ngoái đây, theo lời xin của ông Tản-Đà, quan Thống-sứ ký nghị-định bãi tờ nghị-định trước cho phép An-nam Tạp-chí xuất-bản ở Nam-định, tức là cho đem Báo-quán về Hà-nội như cũ. Vậy mà một vài bạn đồng-nghiệp vì vội-hiểu, đăng ngay tin báo An-nam Tạp-chí bị đình-bản. Rồi thì kèn đưa trống tiễn, thi nhau người thì phàn nàn cho cái số-phận « ba chìm bảy nổi » của con thuyền An-nam Tạp-chí, người thì ngao-ngán cho cái cán viết giở ra gác lại của nhà Thi-sĩ Tản-Đà.

Vậy nay An-nam Tạp-chí lại ra đời, nếu ai đem cái tò-mò của ông Jean Bernard mà cật-vấn ông Tản-Đà, chắc ông cũng biểu-đồng-tình với ông Gauthier Villars, mà không cần phải tìm một câu trả lời khác nữa.

MAI-KHÈ

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

(*Tiếp theo*)

Trận gió này thổi mạnh quá, đến nỗi chàng Xen-đôn tưởng như cả mình, cả tên mọi, đều bị vật lăn xuống đất vậy. Nhìn ra ngoài biển, tầu Dịch-sĩ đã biến hẳn ở trong những cồn sóng trắng phau, cao như núi vây bọc cả chung quanh. Một làn khí nóng ghê gớm từ biển bốc lên, ngay bên bờ, thì từng lớp sóng gắt đập vào, bọt nước tung lên trắng xóa, trông chả khác gì một nồi nước khổng lồ đương sôi vậy.

Về phía trên đất, chỗ nào cũng nghe thấy tiếng lách tách quả dừa rơi. Những cây dừa cao vót, thân mảnh, quần-quại trước gió, thỉnh-thoảng lại có một vài cây gẫy đánh rắc một cái, như tiếng quất cái roi ngựa vậy. Trên giời, đầy những tàu lá dừa bay phấp-phới; mỗi tàu, lúc rơi đâm thẳng xuống đất, giá gặp phải người, thì đủ làm cho gẫy cổ.

Rồi đến lượt mưa, một trận mưa như trút nước vậy.

Tưởng tượng lần cuối cùng đến người chết nằm trơ ở dưới đống cát, mà ở trên mồ thì nước mưa rội như suối, chàng Xen-đôn nghĩ thầm rằng:

— Trong lúc này, chắc linh-hồn Huy-ghi đã đi xa đây rồi...

Đối với chàng, quay về nhà lúc bấy giờ không phải là một việc dễ dàng. Vì mưa mạnh quá tên mọi đen cũng chàng phải cúi đầu xuống cố nén mình thật rạt xuống để cho khỏi ngã. Những tên mọi khác phải nắm lấy tay nó để kéo nó đi.

Trong đám người phù-tá bị cưỡng-bách ấy, chắc có nhiều đứa không ước-ao gì bằng vật ngã lăn ngay chàng xuống đấy, rồi lấy chân séo lên, cho chàng tan xương nát thịt, mà đưa hồn chàng về chốn hư-vô.

Nhưng chúng còn sợ cái khẩu súng lục đeo lủng lẳng ở thắt-lưng chàng. Vì đánh tạch cái, có thể giết người trong giây phút, nên khẩu súng kia đã bắt được tụi này phải nén cái hy-vọng ấy đi, phải đội người chủ-nhân đi qua trận bão, mà về đến nhà bình-yên vô-sự.

Khi bước vào trong nhà, chàng Xen-đôn, tuy mệt nhọc ướt át như chuột lột, lại thấy trong mình dễ chịu. Bệnh tình nghe như đã thư thư, chàng vội vàng thay quần áo. Rồi, lẩm-bẩm nói một mình rằng:

— Bây giờ, cái điều cần trước nhất là phải tránh cái bệnh sốt rét. Tiên sư dự phòng, có lẽ ta uống một ít thuốc ký ninh cũng hay.

Khi người đã khô ráo, chàng đi ra mái-hiên. Mưa đã ngớt rồi. Nhưng gió thì vừa yên được một lúc, nay lại càng thổi mạnh.

Mặt biển trông ra vẫn mỗi lúc mỗi dữ, những cồn sóng dài chừng một hải-lý, trông không khác gì những quả núi nước, từ đằng xa đánh dồn vào bờ.

Tầu Dịch-sĩ, lúc nẫy đã thấy hiện-hình ra ở trong đám bọt, bây giờ cứ chồm lên chồm xuống, mà mỗi một làn sóng đi qua, là đầu tầu lại chìm nghỉm đi; trên boong trông chỉ thấy bọt trắng xóa mà thôi.

Trên cột buồm, chợt thấy kéo lên hai lá cờ bập-bồng trước gió, một lá xanh, một lá đỏ.

Theo như luật báo-hiệu ở đảo Bế-rang-đệ thế là nói: *« tầu đương bị nguy-hiểm, tôi phải xử-trí thế nào?»*

Chàng Xen-đôn hiểu ngay và sau khi soát lại câu trả lời chàng liền sai kéo lên trên cái cột ở trong vườn một lá cờ ngụ-ý rằng: *nên mau mau cho tầu đi ẩn ở sau đảo Nê-an.»*

Trông thấy cái hiệu ấy, quan ba Ô-lê-dông lập-tức cho tháo những móc sắt, bỏ hai cái neo lại đấy và thả phao để nhớ lấy chỗ, để sau này hết bão sẽ trở lại lấy. Xong đấy, tầu Dịch-sĩ liền quay lái, thả buồm con, đi thẳng dưới gió như con ngựa thi vậy. Tầu đi vòng để tránh mỏm đá Ba-lê-suy-mã; đi mới độ một sải đường, thì biến hẳn ở đằng sau mũi bể Bá-lê-suy-mã, hình như bị một trận cuồng-phong mạnh dữ gấp mấy các trận trước, nuốt chửng đi vậy.

Suốt đêm hôm ấy, gió bão hoành-hành ở trên đảo Bế-rang-đệ, làm cho các cây bị gẫy cành, bật rễ, mấy căn nhà để chứa cùi dừa cũng bị siêu đổ, cả đến nhà chàng Xen-đôn ở, tuy có các chân cột chắc-chắn, cũng bị lay-chuyển.

Nhưng chàng Xen-đôn ngủ kỹ, chẳng nghe thấy gì cả. Suốt đêm chàng không thức giấc dậy lần nào và cũng không biết rằng ở ngoài, cảnh-vật đã biến-đổi như vậy.

Sáng ngày mở mắt ra, chàng tưởng như mình là một người khác vậy. Đến hơn một tuần lễ nay, chàng không ăn uống được một tý gì, mà hôm nay bỗng thấy bụng đói. Thoạt tiên, chàng uống một cốc sữa đặc pha nước, rồi đến 6 giờ, liều húp một bát cháo nóng.

Xuống đến căn nhà thương, chàng thấy tình-cảnh đã khá lắm. Từ chiều hôm qua, chỉ có một người chết thôi, bệnh-nhân mới không có người nào và non chục tên mọi vừa khỏi, đã thập-thễnh đi về trại.

Phải chăng, trận bão hôm qua, làm cho khua động không-khí, đã có cái ma-lực khu-trừ tật-bệnh và làm thành ra trong sạch cái đất ôn-dịch này?

Vào khoảng 11 giờ, tên Xi-lê ở đảo Bá-lê-suy-mã sai người mang thư đến báo cho chàng Xen-đôn biết rằng tầu Dịch-sĩ bị đắm ở giữa đường đi sang đảo Nê-an.

Ban đêm, hai người làm tầu da đen còn sống sót vào trình-diện chàng. Họ nói cho chàng biết rằng quan ba Ô-lê-dông bị chết đuối. Còn tầu Dịch-sĩ, thì, theo lời họ, rõ ràng một mảnh cũng không còn.

Cái tin buồn ấy làm cho cơn sốt rét của chàng lại ầm-ầm nổi lên. Độ một nửa giờ sau, người chàng lại nóng như lửa đốt. Hết cơn nóng lại đến cơn rét, mà vì người yếu quá, nên chàng cũng không dám quá dùng thuốc ký-ninh.

Nằm cuộn tròn dưới đống chăn, hai hàm răng đập vào nhau cầm-cập, chàng nghĩ thầm rằng cái số-phận không may của mình đến thế là cùng rồi. Từ nay, trừ phi tụ-nhiên một làn nước bạc, từ dưới đáy bể dưng lên, ngập hẳn một nửa hòn đảo này đi, ngoài ra chàng còn sợ cái gì nữa?

Trước cơn đại-nạn ấy, chàng kết-luận rằng cảnh-ngộ mình chắc hẳn từ đây sẽ một ngày một khá. Cái đó đã định sẵn rồi. Từ nay đối với số-phận, chàng sẽ «nắm đằng chuôi». Nghĩ đến đấy tuy vẫn run cầm-cập ở trong đống chăn, chàng ta bất-giác bật cười lên sằng-sặc.

Thấy thế, bọn người nhà da đen ngạc-nhiên ra dáng kinh-sợ rồi ghé tai thì-thầm hỏi nhau: không biết chàng bị con ma-quỷ gì nó ám-ảnh mà cử-chỉ thất-thường như vậy.

HỒI THỨ IV

Trận bão Tây-Bắc dòng-dã luôn bốn ngày bốn đêm. Cơn sốt rét lại bắt chàng Xen-đôn phải nằm phục-vị, không dậy được. Tuy đó chỉ là một cơn sốt-rét nước (malaria) xoàng thôi, nhưng thân-thể chàng đã suy-nhược sẵn, nên chỉ trong 48 giờ, mà mặt mũi hốc-hác, hình như đã bị bệnh ly-bì từ tám chín ngày giời vậy.

Cũng may, về phần bệnh lỵ thì vẫn một ngày một thoái-dảm. Ở căn nhà-thương, hiện chỉ còn độ hai mươi người phu đã khỏi, nhưng còn ở đấy để dưỡng-bệnh. Tên mọi chết cuối cùng sở-dĩ thiệt-mạng, là vì anh ruột nó nhất định không chịu thuốc-thang săn-sóc, mà chỉ dùng những lời phù-trú để mong làm cho em cải tử hồi-sinh.

Buổi sáng ngày thứ tư, chàng Xen-đôn nằm nghỉ ở dưới mái hiên, đưa mắt nhìn ra ngoài biển.

Gió tuy đã ngớt, nhưng xa nghe những cồn sóng thừa vẫn còn kêu réo ầm-ầm. Những lớp sóng này vẫn đập vào cái cửa phên thưa trước vườn hoa và tung những bụi nước lên đến tận cái gò trồng cột cờ ở trước nhà.

Từ hôm qua chàng Xen-đôn uống đến gần 30 viên ký-ninh. Vì thế tai chàng cứ ù-ù như một cái tổ ong mật vậy. Hai tay và hai đầu gối run bây bẩy, trong gia-dầy thỉnh-nhoảng lại đau quặn như chuột rút.

Chợt cái, chàng lấy tay giay mắt hình như nhìn thấy một cảnh-tượng rất lạ lùng. Thoạt tiên chàng tưởng là mình hoa mắt.

Cách bờ một quãng, một chiếc xuồng đương bơi vào đảo Bế-rang-đệ, hình như muốn đi vào cái khuỷu trước kia tầu Dịch-sĩ vẫn thả neo. Lúc thì chèo lên đỉnh một làn sóng bọt trắng xóa, mũi xuồng chồng hẳn lên trời, lúc thì như một con cá ông-voi đâm nhào mũi xuống giữa cái vực nước xanh thăm thẳm.

Mà chàng Xen-đôn cũng biết thừa rằng đương cơn giông tố như vậy, trong các tay lính-thủy ở đảo Sa-lô-mông, trừ khi có thằng nào điên-rồ mới dám lênh-đênh ra giữa bể khơi.

Những cái cảnh chàng tưởng là hoa mắt, vẫn còn hiển-nhiên đó. Một phút sau, giữa lúc chàng dương đôi con mắt gấp-gay để nhìn cho rõ, thì chàng trông thấy cả chiều dài cái xuồng đương quay sườn vào bờ. Vì cái xuồng kia đương theo làn sóng đi xuống, đằng đuôi chồng ngược hẳn lên, nên chàng trông thấy rõ sáu người thủy-thủ đương chèo.

Một người thứ bẩy to nhớn ngồi nghiêng đương hết sức đè lên cái lái, còn người thứ tám ngồi sồm ở mũi xuống ngoảnh mặt nhìn vào bờ.

Nhưng, cái điều chàng Xen-đôn lấy làm ngạc-nhiên nhất là lại có một người đàn bà ngồi ở phía đuôi xuồng liền ngay với cặp người đương chèo và ở dưới người cầm lái.

Một người đàn bà? Mà quả nhiên một người đàn bà thật. Cũng như chàng Xen-đôn, nàng đội một cái mũ rơm to kiểu «Baden Powel» và một tay đương lóng cóng gài vào dưới mũ một đám tóc phất phơ bay trước gió.

Rồi theo làn sóng ấy, cái xuồng chìm nghỉm hẳn đi, nhưng tức-thì lại hiện ngay ra ở trên đỉnh cái làn sóng nổi sau, những người chèo và hai tay lái cũng lại hiện ra, mình trần trùng-trục, da bóng như đồng đen, nhưng có phần to lớn và khỏe mạnh hơn những người thổ-trước ở quần-đảo Sa-lô-mông.

Còn người đàn-bà đích thực là người da trắng.

Tâm-thần vì tật bệnh thành ra mê sảng, chàng Xen-đôn bất-giác tự nhiên nghĩ thầm trong bụng rằng: *Người đàn-bà ấy là ai? Nàng đến đây làm gì?* Mà câu nghĩ đó quả là vô-tình bởi vì chàng cũng chưa chắc rằng cái cảnh mình trông thấy đó không phải là một điều mộng-ảo vô-ích.

Tuy nhiên, mắt nửa nhắm nửa mở, chàng vẫn nhìn thấy chiếc xuồng cách bờ, một ngày một gần. Rồi chàng thấy những người chân-chèo nghỉ tay, giữ chắc lấy mái chèo còn người đàn bà và người cầm lái đứng đằng sau họ, nhìn xem các lớp sóng đuổi nhau.

Giữa lúc ấy, chiếc xuồng chồm lên lưng một cồn sóng to cao như núi, đương sắp vật vào bờ, chàng Xen-đôn lẩm bẩm nói: *thật là những tay thủy thủ sành nghề!*

Những người chân chèo lại cúi rạp cả xuống, cứng cánh nưng chèo lên, để giúp sức cho làn sóng đưa đi.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng - xuất và tán - thành
các công việc bổn phận
của Nữ - giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11 - 13, Phố sông Tô - Lịch — Hanoi

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, 47

Giấy nói số : 805

Là một hiệu thuốc có tiếng ở Đông-Pháp

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi